



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

SỔ TAY

ĐIỀU TRA CHI TIÊU CỦA KHÁCH DU LỊCH, KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM 2023



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

SỔ TAY

ĐIỀU TRA CHI TIÊU CỦA KHÁCH DU LỊCH, KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM

2023



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2023

MỤC LỤC

	Trang
Phần I. QUYẾT ĐỊNH VÀ PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA	5
Quyết định số 313/QĐ-TCTK ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Phương án Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam	7
Phương án Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam	9
Phần II. PHỤ LỤC PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA	19
Phụ lục I. DANH SÁCH TỈNH, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN ĐIỀU TRA KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM	21
Phụ lục II. QUY TRÌNH CHỌN MẪU VÀ SUY RỘNG KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CHI TIÊU CỦA KHÁCH DU LỊCH, KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM	25
Phụ lục III. PHIẾU ĐIỀU TRA	29
Phiếu 01/DL-HO: Phiếu xác định thành viên hộ đi du lịch	31
Phiếu 02/DL-NĐ: Phiếu thu thập thông tin về khách du lịch nội địa	33
Phiếu 03/DL-NN: Phiếu thu thập thông tin về khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	37
Phiếu 04/DL-QT: Phiếu thu thập thông tin đối với khách quốc tế đến Việt Nam tại cơ sở lưu trú	41
Phụ lục IV. DANH MỤC CÁC NƯỚC VÀ VÙNG, LÃNH THỔ PHÂN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ	45
Phần III. HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU	55
I. Khái niệm	57
II. Hướng dẫn cách ghi phiếu	59

Phần I

QUYẾT ĐỊNH VÀ PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA

Số: 313/QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Phương án Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định ban hành phương án điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2023 của Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Giao Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ và các đơn vị có liên quan của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện điều tra theo đúng Phương án quy định.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, TTDL (10).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương

PHƯƠNG ÁN

Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 313/QĐ-TCTK ngày 17 tháng 3 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam được thực hiện nhằm các mục đích chính sau:

- Thu thập thông tin về mức và các khoản chi tiêu chủ yếu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam làm cơ sở tính mức chi tiêu bình quân chung và cơ cấu chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam.

- Thu thập thông tin phục vụ biên soạn một số chỉ tiêu chủ yếu về du lịch, xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ du lịch.

2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra đúng các nội dung quy định trong Phương án.

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước; bảo đảm tính so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam được thực hiện theo phạm vi cụ thể như sau:

- Đối với thông tin về du lịch thu thập từ hộ dân cư: Thực hiện trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố.

- Đối với chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam: Thực hiện điều tra tại các tỉnh, thành phố có lượng khách quốc tế đến lớn. *Danh sách các tỉnh, thành phố được chọn điều tra theo Phụ lục I.*

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra bao gồm:

- Khách du lịch nội địa.
- Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài.
- Khách quốc tế đến Việt Nam.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra bao gồm:

- Hộ dân cư: Thu thập thông tin về khách du lịch nội địa và khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài.

- Khách quốc tế tại các cơ sở lưu trú: Thu thập thông tin về xác định khách du lịch quốc tế và chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam là điều tra chọn mẫu. Quy mô mẫu được phân bổ đảm bảo mức độ đại diện cấp tỉnh đối với chỉ tiêu chi tiêu của khách du lịch nội địa, cấp quốc gia đối với các chỉ tiêu liên quan đến khách quốc tế.

Phương pháp chọn mẫu được quy định tại Phụ lục II.

IV. THỜI GIAN, THỜI KỲ VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

1. Thời gian điều tra

- Đối với phiếu thu thập thông tin từ hộ dân cư: Từ ngày 01-10 các tháng 10, 11, 12.

- Đối với phiếu thu thập thông tin của khách quốc tế đến Việt Nam: Từ ngày 01-30/10.

2. Thời kỳ thu thập thông tin

- Đối với hộ dân cư: Là thời gian diễn ra chuyến đi gần nhất kể từ ngày 01/01 đến thời điểm điều tra viên đến hộ.

- Đối với khách quốc tế đến Việt Nam: Là thời gian diễn ra chuyến đi hiện tại của khách.

3. Phương pháp thu thập thông tin

Cuộc điều tra này áp dụng kết hợp phương pháp thu thập thông tin trực tiếp và thu thập thông tin gián tiếp:

- Đối với phiếu thu thập thông tin về chi tiêu của khách du lịch nội địa, khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài: Áp dụng phương pháp điều tra trực tiếp bằng thiết bị điện tử thông minh (CAPI).

- Đối với phiếu thu thập thông tin về khách quốc tế đến Việt Nam: Áp dụng phương pháp thu thập thông tin gián tiếp tại các cơ sở lưu trú bằng phiếu điều tra giấy.

V. NỘI DUNG VÀ PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra gồm thông tin chính sau:

- Tổng mức chi tiêu và một số khoản chi tiêu của khách du lịch nội địa, khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài và khách quốc tế đến Việt Nam.

- Đánh giá về chất lượng dịch vụ du lịch tại nơi đến và khả năng trở lại điểm đến.

2. Phiếu điều tra

Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam năm 2023 sử dụng 04 loại phiếu điều tra:

- Phiếu 01/DL-HO: Phiếu xác định thành viên hộ đi du lịch.

- Phiếu 02/DL-NĐ: Phiếu thu thập thông tin về khách du lịch nội địa.

- Phiếu 03/DL-NN: Phiếu thu thập thông tin về khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài.

- Phiếu 04/DL-QT: Phiếu thu thập thông tin đối với khách quốc tế đến Việt Nam tại cơ sở lưu trú.

Phiếu 04/DL-QT được dịch ra các ngoại ngữ chủ yếu bao gồm: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản và tiếng Hàn Quốc.

Mẫu phiếu quy định tại Phụ lục III.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm điều tra.

2. Danh mục các nước và vùng, lãnh thổ phân theo khu vực địa lý ban hành kèm theo phương án.

3. Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

- Đối với phiếu CAPI: Thông tin trên phiếu điện tử được ĐTV hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê thông qua đường truyền dữ liệu trực tuyến ngay trong quá trình điều tra thực địa.

- Đối với phiếu giấy: Cục Thống kê tỉnh, thành phố (Cục Thống kê) chủ trì chỉ đạo thực hiện nhập tin tại cơ quan thống kê cấp tỉnh hoặc cấp huyện, được truyền hàng ngày về máy chủ của Tổng cục Thống kê phục vụ công tác làm sạch và xử lý số liệu. Công tác nhập tin hoàn thành chậm nhất vào ngày 20/11.

Dữ liệu được kiểm tra, nghiệm thu (duyet) bởi các giám sát viên (viết gọn là GSV) huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (viết gọn là GSV cấp huyện), GSV cấp tỉnh và GSV cấp trung ương.

2. Tổng hợp kết quả điều tra

Kết quả Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam làm cơ sở tính mức chi tiêu bình quân chung và cơ cấu chi tiêu của khách du lịch nội địa, khách quốc tế đến Việt Nam được tổng hợp theo mẫu biểu do Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ (Vụ TMDV) cung cấp.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA¹

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng Phương án điều tra	Tháng 6-12/2022	Cục TTDL	Vụ TMDV, đơn vị liên quan
2	Thiết kế và hoàn thiện phiếu điều tra	Tháng 6-12/2022	Cục TTDL	Vụ TMDV
3	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn	Tháng 9-12/2022	Cục TTDL	Vụ TMDV
4	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả điều tra	Tháng 9-12/2022	Cục TTDL	Vụ TMDV
5	Chọn mẫu	Tháng 9-12/2022	Cục TTDL	Vụ TMDV
6	Xây dựng các chương trình phần mềm	Tháng 01-7/2023	Cục TTDL	Vụ TMDV
7	In tài liệu	Tháng 7-8/2023	CTK	Cục TTDL, Vụ TMDV
8	Rà soát đơn vị điều tra	Tháng 7-9/2023	CTK	Cục TTDL, Vụ TMDV
9	Tập huấn cấp trung ương và cấp tỉnh	Tháng 8-9/2023	Cục TTDL, CTK	Vụ TMDV, VPTC, Chi CTK, đơn vị liên quan
10	Thu thập thông tin	Tháng 10-12/2023	CTK	Cục TTDL, Vụ TMDV
11	Kiểm tra, giám sát và nghiệm thu dữ liệu điều tra	Tháng 10 - Tháng 02 năm sau	Cục TTDL	Vụ TMDV, CTK
12	Tổng hợp kết quả điều tra	Tháng 3-4 năm sau	Cục TTDL	Vụ TMDV
13	Biên soạn báo cáo kết quả chủ yếu của cuộc điều tra	Tháng 4-6 năm sau	Vụ TMDV	Đơn vị liên quan
14	Tổ chức in, xuất bản và phát hành báo cáo kết quả điều tra	Tháng 7-8 năm sau	Vụ TMDV	Đơn vị liên quan

¹ Các chữ viết tắt trong bảng: Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; VPTC: Văn phòng Tổng cục; CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chi CTK: Chi cục Thống kê huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

IX. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO VÀ THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị

a) Chọn mẫu điều tra

Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL) chủ trì, phối hợp với Vụ TMDV thực hiện chọn mẫu phục vụ thu thập thông tin đối với các loại phiếu điều tra.

b) Tuyển chọn lực lượng tham gia điều tra

Cục Thống kê chủ trì thực hiện tuyển chọn điều tra viên (ĐTV) phục vụ công tác thu thập thông tin của cuộc điều tra bảo đảm tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

- Đối với Phiếu 01/DL-HO, Phiếu 02/DL-NĐ và Phiếu 03/DL-NN: Khuyến khích tuyển chọn ĐTV đã thu thập thông tin Phiếu điều tra Lao động việc làm để thực hiện thu thập thông tin.

- Đối với Phiếu 04/DL-QT: Chọn ĐTV là người có năng lực phù hợp, ưu tiên ĐTV biết sử dụng ngoại ngữ và người làm công tác tiếp đón khách quốc tế tại các cơ sở lưu trú.

GSV là lực lượng thực hiện công việc giám sát các hoạt động của mạng lưới ĐTV và hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới (nếu có) và các ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. GSV có 03 cấp: cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

c) Tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm

Tập huấn nghiệp vụ điều tra thực hiện ở 02 cấp: Cấp trung ương và cấp tỉnh. Mỗi cấp tập huấn trong 02 ngày (trong đó: 01 ngày giới thiệu phương án điều tra, hướng dẫn nghiệp vụ và 01 ngày hướng dẫn sử dụng thiết bị điều tra phiếu điện tử và Trang Web điều hành tác nghiệp).

- *Cấp trung ương*: Cục TTDL chủ trì phối hợp với Vụ TMDV và các đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn cho các giảng viên cấp tỉnh và GSV cấp tỉnh.

- *Cấp tỉnh*: Cục Thống kê cấp tỉnh chủ trì tổ chức tập huấn cho ĐTV và GSV cấp huyện.

d) Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng phần mềm do Tổng cục Thống kê biên soạn; Cục Thống kê cấp tỉnh chủ động in và phân phối tại địa phương bảo đảm đủ, đúng thời gian quy định.

đ) Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Chương trình thu thập thông tin, chương trình chọn mẫu, chương trình quản lý giám sát, kiểm tra và duyệt phiếu điều tra điện tử, chương trình tổng hợp kết quả điều tra được thực hiện trên Trang Web điều hành tác nghiệp cho các cấp GSV.

2. Công tác điều tra thực địa

Cục Thống kê chủ trì chỉ đạo thực hiện công tác thu thập thông tin bảo đảm tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đơn vị cung cấp,...

Hình thức kiểm tra, giám sát: Kiểm tra, giám sát trực tiếp công tác tập huấn và thu thập thông tin tại địa bàn; kiểm tra, giám sát trực tuyến trên Trang Web điều hành tác nghiệp.

Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra, giám sát chất lượng phiếu điều tra được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên kiểm tra dữ liệu trên chương trình phần mềm và thông báo đề nghị ĐTV xác minh hoàn thiện phiếu điều tra.

4. Nghiệm thu và xử lý thông tin

a) Nghiệm thu phiếu điều tra

- Cục TTDL chủ trì nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi cả nước.
- Cục Thống kê chủ trì việc nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi tỉnh, thành phố.

b) Xử lý thông tin

Cục TTDL chủ trì phối hợp với Vụ TMDV và Cục Thống kê thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra; thực hiện tính quyền số và tổng hợp kết quả đầu ra theo yêu cầu của Vụ TMDV.

5. Tổ chức thực hiện

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

Chủ trì, phối hợp với Vụ TMDV và các đơn vị liên quan xây dựng phương án điều tra; xây dựng phần mềm điều tra, xử lý kết quả điều tra; trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát điều tra ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chọn điều tra; nghiệm thu, làm sạch dữ liệu và tổng hợp kết quả cuộc điều tra.

b) Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ: Chủ trì thực hiện xây dựng mẫu biểu đầu ra, phân tích số liệu, biên soạn báo cáo và công bố kết quả điều tra; phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan xây dựng phương án điều tra; kiểm thử phần mềm; giám sát; kiểm tra, làm sạch dữ liệu; tổng hợp kết quả điều tra.

c) Vụ Kế hoạch tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan dự toán kinh phí điều tra; hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo quy định.

d) Văn phòng Tổng cục Thống kê: Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan tổ chức hội nghị tập huấn cấp trung ương, thực hiện công tác giám sát, biên soạn, phát hành báo cáo kết quả điều tra.

đ) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê: Chủ trì, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra cuộc điều tra theo kế hoạch được phê duyệt.

e) Cục Thống kê cấp tỉnh

Tổ chức, chỉ đạo toàn diện cuộc điều tra trên địa bàn tỉnh, thành phố từ khâu rà soát, cập nhật đơn vị điều tra; tuyển chọn; tập huấn cho ĐTV và GSV; thu thập thông tin; giám sát, kiểm tra; nghiệm thu phiếu điều tra...

Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê thực hiện: Kiểm thử các loại phần mềm; hỗ trợ các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra cấp trung ương.

Để tạo sự ủng hộ của các cấp, các ngành và người dân đối với cuộc điều tra, Cục Thống kê cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên, tranh thủ sự chỉ đạo và tạo điều kiện của Ủy ban nhân dân các cấp, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng điều tra tại các địa bàn điều tra.

X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam do Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Vụ Kế hoạch tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành./.

Phần II

PHỤ LỤC PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA

Phụ lục I
DANH SÁCH TỈNH, THÀNH PHỐ
THỰC HIỆN ĐIỀU TRA KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM

Mã	Tỉnh/thành phố	Phiếu điều tra khách quốc tế tại cơ sở lưu trú (Phiếu 04/DL-QT)										
		Tổng số khách	Chia theo loại cơ sở lưu trú						Chia theo các loại ngôn ngữ			
			Khách ở tại khách sạn 5 sao trở lên	Khách ở tại khách sạn 4 sao	Khách ở tại khách sạn 3 sao	Khách ở tại khách sạn 2 sao	Khách ở tại khách sạn 1 sao	Loại khác	Khách sử dụng tiếng Anh	Khách sử dụng tiếng Trung Quốc	Khách sử dụng tiếng Hàn	Khách sử dụng tiếng Nhật
	Tổng	11100	1385	2210	1775	1895	1470	2365	6600	2300	1550	650
01	Thành phố Hà Nội	1500	150	200	300	300	300	250	700	300	300	200
02	Tỉnh Hà Giang											
04	Tỉnh Cao Bằng											
06	Tỉnh Bắc Kạn											
08	Tỉnh Tuyên Quang											
10	Tỉnh Lào Cai	300		50		150		100	100	200		
11	Tỉnh Điện Biên											
12	Tỉnh Lai Châu											
14	Tỉnh Sơn La											
15	Tỉnh Yên Bái											
17	Tỉnh Hoà Bình											
19	Tỉnh Thái Nguyên											
20	Tỉnh Lạng Sơn	300				100	60	140	100	200		

Mã	Tỉnh/thành phố	Phiếu điều tra khách quốc tế tại cơ sở lưu trú (Phiếu 04/DL-QT)										
		Tổng số khách	Chia theo loại cơ sở lưu trú						Chia theo các loại ngôn ngữ			
			Khách ở tại khách sạn 5 sao trở lên	Khách ở tại khách sạn 4 sao	Khách ở tại khách sạn 3 sao	Khách ở tại khách sạn 2 sao	Khách ở tại khách sạn 1 sao	Loại khác	Khách sử dụng tiếng Anh	Khách sử dụng tiếng Trung Quốc	Khách sử dụng tiếng Hàn	Khách sử dụng tiếng Nhật
22	Tỉnh Quảng Ninh	700	100	200	100	100	100	100	350	200	100	50
24	Tỉnh Bắc Giang											
25	Tỉnh Phú Thọ											
26	Tỉnh Vĩnh Phúc											
27	Tỉnh Bắc Ninh											
30	Tỉnh Hải Dương											
31	Thành phố Hải Phòng	500	50	100	100	100	100	50	300	100	50	50
33	Tỉnh Hưng Yên											
34	Tỉnh Thái Bình											
35	Tỉnh Hà Nam											
36	Tỉnh Nam Định											
37	Tỉnh Ninh Bình	500	50	100	50	100	100	100	250	100	100	50
38	Tỉnh Thanh Hoá	300	50	50	50	50	50	50	300			
40	Tỉnh Nghệ An											
42	Tỉnh Hà Tĩnh											
44	Tỉnh Quảng Bình	500		100	100	100	50	150	400	100		
45	Tỉnh Quảng Trị											
46	Tỉnh Thừa Thiên Huế	700	50	200	100	100	100	150	300	200	200	

Mã	Tỉnh/thành phố	Phiếu điều tra khách quốc tế tại cơ sở lưu trú (Phiếu 04/DL-QT)										
		Tổng số khách	Chia theo loại cơ sở lưu trú						Chia theo các loại ngôn ngữ			
			Khách ở tại khách sạn 5 sao trở lên	Khách ở tại khách sạn 4 sao	Khách ở tại khách sạn 3 sao	Khách ở tại khách sạn 2 sao	Khách ở tại khách sạn 1 sao	Loại khác	Khách sử dụng tiếng Anh	Khách sử dụng tiếng Trung Quốc	Khách sử dụng tiếng Hàn	Khách sử dụng tiếng Nhật
48	Thành phố Đà Nẵng	700	150	150	100	100	100	100	400	100	150	50
49	Tỉnh Quảng Nam	500	50	150	75	75	75	75	300	100	50	50
51	Tỉnh Quảng Ngãi											
52	Tỉnh Bình Định	300	50	50	50	50	50	50	200	50	50	
54	Tỉnh Phú Yên	300	50	50	50	50	50	50	200	50	50	
56	Tỉnh Khánh Hoà	500	50	100	100	100	100	50	300	100	100	
58	Tỉnh Ninh Thuận											
60	Tỉnh Bình Thuận	500		50	100	100	50	200	200	200	100	
62	Tỉnh Kon Tum											
64	Tỉnh Gia Lai											
66	Tỉnh Đắk Lắk											
67	Tỉnh Đắk Nông											
68	Tỉnh Lâm Đồng	500	35	130	50	70	35	180	500			
70	Tỉnh Bình Phước											
72	Tỉnh Tây Ninh											
74	Tỉnh Bình Dương											
75	Tỉnh Đồng Nai											
77	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	500	150	30	100	50	50	120	500			

Mã	Tỉnh/thành phố	Phiếu điều tra khách quốc tế tại cơ sở lưu trú (Phiếu 04/DL-QT)										
		Tổng số khách	Chia theo loại cơ sở lưu trú						Chia theo các loại ngôn ngữ			
			Khách ở tại khách sạn 5 sao trở lên	Khách ở tại khách sạn 4 sao	Khách ở tại khách sạn 3 sao	Khách ở tại khách sạn 2 sao	Khách ở tại khách sạn 1 sao	Loại khác	Khách sử dụng tiếng Anh	Khách sử dụng tiếng Trung Quốc	Khách sử dụng tiếng Hàn	Khách sử dụng tiếng Nhật
79	Thành phố Hồ Chí Minh	1500	300	400	250	100	50	400	700	300	300	200
80	Tỉnh Long An											
82	Tỉnh Tiền Giang											
83	Tỉnh Bến Tre											
84	Tỉnh Trà Vinh											
86	Tỉnh Vĩnh Long											
87	Tỉnh Đồng Tháp											
89	Tỉnh An Giang											
91	Tỉnh Kiên Giang	500	100	100	100	100	50	50	500			
92	Thành phố Cần Thơ											
93	Tỉnh Hậu Giang											
94	Tỉnh Sóc Trăng											
95	Tỉnh Bạc Liêu											
96	Tỉnh Cà Mau											

Căn cứ thói quen lưu trú của khách quốc tế đến địa phương theo loại cơ sở lưu trú, Cục Thống kê chủ động phân bổ số lượng phiếu cho các loại cơ sở lưu trú phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương theo số lượng phiếu và loại ngôn ngữ quy định tại Phụ lục này.

Phụ lục II

QUY TRÌNH CHỌN MẪU VÀ SUY RỘNG KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CHI TIÊU CỦA KHÁCH DU LỊCH, KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM

1. Chọn mẫu đối với khách du lịch nội địa, khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài (Phiếu 02/DL-NĐ và Phiếu 03/DL-NN)

Mẫu đối với khách du lịch, khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài sẽ được xác định từ toàn bộ các hộ dân cư (hộ) có thành viên đi du lịch (trong và ngoài nước) của Điều tra Lao động việc làm quý IV (tháng 10, 11 và 12) với tổng số 58.932 hộ tại 4.911 địa bàn (1.637 địa bàn/tháng x 12 hộ/địa bàn).

Các thành viên từ 15 tuổi trở lên của các hộ được chọn trong Điều tra Lao động việc làm quý IV sẽ được hỏi Phiếu 01/DL-HO để xác định đối tượng điều tra cho cuộc điều tra này.

Những người được xác định là có đi du lịch trong nước sẽ được lựa chọn để hỏi Phiếu thu thập thông tin về khách du lịch nội địa (Phiếu 02/DL-NĐ). Những người được xác định là có đi du lịch nước ngoài sẽ được lựa chọn để hỏi Phiếu thu thập thông tin về khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài (Phiếu 03/DL-NN).

Một hộ vừa có thành viên du lịch trong nước, vừa có du lịch nước ngoài được tính là 2 đơn vị điều tra (tiến hành phỏng vấn cả phiếu du lịch trong nước và phiếu du lịch nước ngoài). Số lượng hộ được điều tra về thành viên du lịch theo thực tế phát sinh, nhưng không lớn hơn số lượng được phân bổ.

2. Chọn mẫu khách quốc tế đến Việt Nam nghỉ tại cơ sở lưu trú (Phiếu 04/DL-QT)

Đối với khách quốc tế đến Việt Nam nghỉ tại các cơ sở lưu trú, công tác chọn mẫu được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Chọn các tỉnh, thành phố

Dựa trên các yếu tố về tài nguyên du lịch (danh lam thắng cảnh, môi trường sinh thái, di tích văn hoá lịch sử...); doanh thu và số lượt khách quốc tế của các tỉnh, thành phố từ nguồn dữ liệu điều tra và kết quả báo cáo hành chính, Tổng cục Thống kê lựa chọn được các tỉnh, thành phố để thực hiện thu thập thông tin về khách quốc tế đến Việt Nam theo quy định Phụ lục I.

Bước 2: Chọn cơ sở lưu trú để thực hiện thu thập thông tin về chi tiêu của khách quốc tế

- Dựa trên kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2022 và Điều tra cá thể năm 2022, Cục TTDL gửi danh sách các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có cơ sở lưu trú, có đón khách quốc tế để Cục Thống kê các tỉnh, thành phố (Cục Thống kê) rà soát và lập danh sách cơ sở lưu trú phục vụ chọn mẫu điều tra.

- Cục Thống kê cập nhật danh sách cơ sở sau rà soát lên Trang web của cuộc điều tra để phục vụ chọn mẫu cơ sở điều tra. Thời gian hoàn thành: trước ngày 15/9/2023.

- Chọn mẫu cơ sở để thực hiện gửi phiếu và thu thập thông tin: Phần mềm tự động chọn cơ sở lưu trú.

Bước 3: Chọn khách du lịch để thu thập thông tin

Trên cơ sở số lượng khách theo loại hình cơ sở lưu trú và quốc tịch được phân bổ cho mỗi tỉnh, thành phố. Cục Thống kê thực hiện thu thập thông tin từ người khách đầu tiên cho đến khi đảm bảo đủ số lượng khách được phân bổ. Số lượng khách được phỏng vấn không quá 1/3 số lượt khách lưu trú tại cơ sở trong tháng tiến hành điều tra và không quá 03 khách/đoàn (trường hợp khách đi theo đoàn).

Quá ½ thời gian điều tra, nếu số lượng phiếu thu được của tỉnh mới đạt tỷ lệ thấp dưới 30%, cần xem xét bổ sung, thay thế, bổ sung cơ sở lưu trú điều tra để đảm bảo tiến độ. Đồng thời với các loại phiếu sử dụng ngôn ngữ có ít khách (tiếng Nhật) có thể chuyển 50% số lượng được phân bổ sang điều tra khách sử dụng tiếng Anh, Trung, Hàn. Đến ¾ thời gian điều tra, xem xét chuyển những phiếu được phân bổ có sử dụng ngôn ngữ không thông dụng sang loại phiếu sử dụng tiếng Anh.

3. Tổng hợp kết quả

Tổng hợp kết quả điều tra áp dụng theo phương pháp bình quân mẫu đối với từng loại khách du lịch theo công thức sau:

$$\bar{x}_j = \frac{1}{n_j} \sum_{i=1}^{n_j} x_{ij}$$

Trong đó:

\bar{x}_j : Chi tiêu bình quân của phân tổ j (tổng hợp từ số bình quân cộng giản đơn từ kết quả mẫu điều tra);

x_{ij} : Chi tiêu của khách du lịch thứ i thuộc phân tổ j;

n_j : Số lượng khách du lịch phân tổ j.

Cụ thể như sau:

- Công thức tính chỉ tiêu Số ngày ở lại bình quân 1 lượt khách như sau:

$$\frac{\text{Số ngày ở lại bình quân}}{\text{1 lượt khách}} = \frac{\text{Tổng số ngày khách ở lại}}{\text{Tổng số khách}}$$

- Công thức tính chỉ tiêu Chi tiêu bình quân 1 lượt khách như sau:

$$\frac{\text{Chi tiêu bình quân}}{\text{1 lượt khách}} = \frac{\text{Tổng số tiền chi tiêu của khách}}{\text{Tổng số khách}}$$

- Công thức tính chỉ tiêu Chi tiêu bình quân 1 ngày khách như sau:

$$\frac{\text{Chi tiêu bình quân}}{\text{1 ngày khách}} = \frac{\text{Chi tiêu bình quân 1 lượt khách}}{\text{Số ngày ở lại bình quân 1 lượt khách}}$$

Phụ lục III
PHIẾU ĐIỀU TRA

**Danh sách các loại phiếu điều tra chi tiêu của khách du lịch,
khách quốc tế đến Việt Nam**

Phiếu 01/DL-HO: Phiếu xác định thành viên hộ đi du lịch

Phiếu 02/DL-NĐ: Phiếu thu thập thông tin về khách du lịch nội địa

Phiếu 03/DL-NN: Phiếu thu thập thông tin về khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài

Phiếu 04/DL-QT: Phiếu thu thập thông tin đối với khách quốc tế đến Việt Nam
tại cơ sở lưu trú

Phiếu 01/DL-HO

PHIẾU XÁC ĐỊNH THÀNH VIÊN HỘ ĐI DU LỊCH

(Bổ sung thông tin hỏi Phiếu Điều tra Lao động việc làm)

CÂU HỎI XÁC ĐỊNH HỘ CÓ THÀNH VIÊN ĐI DU LỊCH [Hỏi cho từng người 15+]		
<p>Câu 1: Kể từ ngày 01/01 đến nay, [TÊN] có di chuyển đến nơi khác dưới 1 năm liên tục theo một trong các lý do sau đây không?</p> <p><i>Đọc lần lượt từng lý do để ĐTĐT trả lời "Có"/"Không" cho từng lý do</i></p>		Có Không
	1. Thăm quan, nghỉ dưỡng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
	2. Đi công tác/hội nghị, hội thảo/thông tin, báo chí	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
	3. Lễ hội, tín ngưỡng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
	4. Đi chữa bệnh	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
	5. Đi học/đào tạo	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
	6. Thăm thân	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
	7. Làm việc/định cư/chuyển nơi ở	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
	8. Khác (ghi rõ)_____	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
KIỂM TRA: Nếu Câu 1 có 1 trong các mã từ 1 đến 6 có mã "Có" → Câu 2; khác → Kết thúc phỏng vấn		
<p>Câu 2: Chuyến đi của [TÊN] là chuyến đi trong nước hay nước ngoài?</p>	1. TRONG NƯỚC	<input type="checkbox"/>
	2. NƯỚC NGOÀI	<input type="checkbox"/> → C4
	3. CẢ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI	<input type="checkbox"/> → C3 và C4
<p>Câu 3: [TÊN] vui lòng cung cấp thông tin về các chuyến đi trong nước của [TÊN] từ đầu năm đến nay?</p>	<p>CHUYẾN ĐI 1:</p> <p>1. Nơi đến ... [LỰA CHỌN TỈNH/THÀNH PHỐ] <input type="text"/></p> <p><i>(Có thể chọn một hoặc nhiều tỉnh theo thực tế)</i></p> <p>2. Thời gian đi ... [LỰA CHỌN THÁNG] <input type="text"/></p>	
	<p>Câu 3.1: Ngoài chuyến đi trên [TÊN] còn chuyến đi trong nước nào khác không?</p> <p>1. Có <input type="checkbox"/> → C3 tiếp tục bổ sung thông tin về chuyến đi thứ 2 trở đi</p> <p>2. Không <input type="checkbox"/></p>	
<p>Câu 4: [TÊN] vui lòng cung cấp thông tin về các chuyến đi nước ngoài của [TÊN] từ đầu năm đến nay?</p>	<p>CHUYẾN ĐI 1:</p> <p>1. Nơi đến [LỰA CHỌN NƯỚC ĐẾN] <input type="text"/></p> <p><i>(Có thể chọn một hoặc nhiều nước theo thực tế)</i></p> <p>2. Thời gian đi [LỰA CHỌN THÁNG] <input type="text"/></p>	
	<p>Câu 4.1: Ngoài chuyến đi trên [TÊN] còn chuyến đi nước ngoài nào khác không?</p> <p>1. Có <input type="checkbox"/> → C4 tiếp tục bổ sung thông tin về chuyến đi thứ 2 trở đi</p> <p>2. Không <input type="checkbox"/></p>	

KIỂM TRA: Nếu C2=1 → Hỏi Câu 5.1; nếu C2=2 → Hỏi C5.2; nếu C2=3 → Hỏi cả C5.1 và C5.2	
<p>Câu 5.1: Trong chuyến đi trong nước của [TÊN] nêu trên, chuyến đi nào [TÊN] nắm được chi phí của chuyến đi?</p> <p><i>ĐTV đọc chuyến đi để ĐTĐT trả lời</i></p>	<p>Liệt kê tên chuyến đi và thời gian chuyến đi như sau:</p> <p style="text-align: right;">Có Không</p> <p>1. Chuyến đi đến [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ TẠI CÂU 3] vào tháng [LINK THÁNG ĐI TẠI CÂU 3] ... <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/></p> <p>2. Chuyến đi đến [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ TẠI CÂU 3] vào tháng [LINK THÁNG ĐI TẠI CÂU 3] ... <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/></p> <p>3. <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/></p>
<p>Câu 5.2: Trong chuyến đi nước ngoài của [TÊN], chuyến đi nào [TÊN] nắm được chi phí của chuyến đi?</p> <p><i>ĐTV đọc chuyến đi để ĐTĐT trả lời</i></p>	<p>Liệt kê tên chuyến đi và thời gian chuyến đi như sau:</p> <p style="text-align: right;">Có Không</p> <p>1. Chuyến đi đến [LINK TÊN NƯỚC ĐẾN TẠI CÂU 4] vào tháng [LINK THÁNG ĐI TẠI CÂU 4] <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/></p> <p>2. Chuyến đi đến [LINK TÊN NƯỚC ĐẾN TẠI CÂU 4] vào tháng [LINK THÁNG ĐI TẠI CÂU 4] <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/></p> <p>3. <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/></p>
<p>KIỂM TRA:</p> <p>- Nếu C5.1 có ít nhất 01 chuyến đi được chọn “Có” → Hỏi Phiếu 02/DL-NĐ;</p> <p>- Nếu C5.2 có ít nhất 01 chuyến đi được chọn “Có” → Hỏi Phiếu 03/DL-NN;</p> <p>- Nếu C5.1 và C5.2 đều có chuyến đi được tích chọn “Có” → Hỏi cả 2 Phiếu 02/DL-NĐ và Phiếu 03/DL-NN.</p> <p><i>Trường hợp tại C5.1 và C5.2 có từ 02 chuyến đi trở lên được chọn “Có”, chương trình tự động hiển thị chuyến đi gần nhất tính đến thời điểm điều tra.</i></p>	

<p>➤ Nếu C5.1 có chuyến đi được tích chọn “Có”, hiển thị câu dẫn:</p> <p>Bây giờ, [TÊN] vui lòng cung cấp một số thông tin chi tiết về chuyến đi trong nước đến tỉnh/thành phố [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ TẠI CÂU 3] vào tháng [LINK THÁNG ĐI TẠI CÂU 3].</p> <p>➤ Nếu C5.2 có chuyến đi được tích chọn “Có”, hiển thị câu dẫn:</p> <p>Bây giờ, [TÊN] vui lòng cung cấp một số thông tin chi tiết về chuyến đi nước ngoài đến nước [LINK TÊN NƯỚC TẠI CÂU 4] vào tháng [LINK THÁNG ĐI TẠI CÂU 4].</p> <p>➤ Nếu C5.1 và C5.2 đều có chuyến đi được tích chọn “Có”, hiển thị câu dẫn:</p> <p>Bây giờ, [TÊN] vui lòng cung cấp một số thông tin chi tiết về 02 chuyến đi của [TÊN] gồm 1 chuyến đi trong nước đến tỉnh/thành phố [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3] vào tháng [LINK THỜI GIAN ĐI TẠI CÂU 3] và 01 chuyến đi nước ngoài đến nước [LINK TÊN NƯỚC TẠI CÂU 4] vào tháng [LINK THỜI GIAN ĐI TẠI CÂU 4].</p>

Phiếu 02/DL-NĐ

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KHÁCH DU LỊCH NỘI ĐỊA

(Hỏi đối với người từ 15 tuổi trở lên có đi du lịch trong nước từ 01/01/2023 đến thời điểm điều tra)

(Thông tin thu thập tại cuộc điều tra này được thực hiện theo Quyết định số 313/QĐ-TCTK ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê; được sử dụng và bảo mật theo quy định của Luật Thống kê)

PHẦN A: CÂU HỎI CHUNG: Thông tin chi tiết về chuyến đi trong nước đến [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] vào tháng [LINK THÁNG CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO]?

Câu 1: Phương tiện chính [TÊN] sử dụng cho chuyến đi?

(Phương tiện chính là phương tiện sử dụng trên quãng đường di chuyển dài nhất của cả chuyến đi)

1. MÁY BAY
2. Ô TÔ
3. TÀU HỎA
4. TÀU THỦY
5. PHƯƠNG TIỆN KHÁC

Câu 1.1: Mục đích chính chuyến đi này của [TÊN]?

1. THAM QUAN, NGHỈ DƯỠNG
2. ĐI CÔNG TÁC/HỘI NGHỊ, HỘI THẢO/THÔNG TIN, BÁO CHÍ
3. LỄ HỘI, TÍN NGƯỠNG
4. ĐI CHỮA BỆNH
5. ĐI HỌC/ĐÀO TẠO
6. THĂM THÂN

Câu 2: Chuyến đi của [TÊN] là đi theo tour hay tự tổ chức?

1. THEO TOUR
2. TỰ TỔ CHỨC

Câu 3: Ai là người quyết định cho chuyến đi của [TÊN]?

1. BẢN THÂN
2. NGƯỜI THÂN
3. BẠN BÈ
4. KHÁC

Câu 4: Nguồn thông tin nào mà [TÊN] biết đến điểm du lịch này?

1. BẠN BÈ, NGƯỜI THÂN
2. SÁCH BÁO, TẠP CHÍ
3. INTERNET
4. CÔNG TY DU LỊCH
5. TI VI
6. ĐƯỢC MỜI/CỬ ĐI
7. KHÁC (GHI RÕ)_____

Câu 5: Số ngày/đêm và loại cơ sở lưu trú mà [TÊN] đã ở lại?

Hiện thị từng tỉnh/thành phố từ thông tin câu 3_Phiếu 01/DL-HO

Tỉnh/thành phố: [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO]

5.1. Số đêm ở lại:

Số ngày ở lại:

KT1. KIỂM TRA CÂU 5.1: NẾU CÂU 5.1_SỐ ĐÊM Ở LẠI=0 → KT2; KHÁC HỎI CÂU 5.2

5.2. Loại cơ sở lưu trú:

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| 1. KHÁCH SẠN 1 SAO | <input type="checkbox"/> | 7. NHÀ NGHỈ, NHÀ KHÁCH | <input type="checkbox"/> |
| 2. KHÁCH SẠN 2 SAO | <input type="checkbox"/> | 8. BIỆT THỰ KINH DOANH DU LỊCH | <input type="checkbox"/> |
| 3. KHÁCH SẠN 3 SAO | <input type="checkbox"/> | 9. LÀNG DU LỊCH | <input type="checkbox"/> |
| 4. KHÁCH SẠN 4 SAO | <input type="checkbox"/> | 10. CĂN HỘ KINH DOANH DU LỊCH | <input type="checkbox"/> |
| 5. KHÁCH SẠN 5 SAO TRỞ LÊN | <input type="checkbox"/> | 11. KHÁC (GHI RÕ) _____ | <input type="checkbox"/> |
| 6. KHÁCH SẠN CHƯA XẾP HẠNG SAO | <input type="checkbox"/> | | |

KIỂM TRA CÂU 2: NẾU CÂU 2=1: THEO TOUR → HỎI PHẦN B; NẾU CÂU 2=2: TỰ TỔ CHỨC → HỎI PHẦN C

PHẦN B: HỎI ĐỐI VỚI KHÁCH CÓ CHUYẾN ĐI GẦN ĐÂY NHẤT LÀ ĐI THEO TOUR (NẾU CÂU 2=1)

Câu 6: Tổng số tiền [TÊN] phải trả cho công ty lữ hành (số tiền mua tour tính cho 1 người) là bao nhiêu?

Số tiền Nghìn đồng

Câu 7: Ngoài chi phí đã trả theo tour, trong chuyến đi này [TÊN] có phải chi thêm các khoản chi khác không?

1. CÓ
2. KHÔNG → Câu 12

Câu 8: Số tiền mà [TÊN] đã chi thêm cho từng khoản mục sau là bao nhiêu?

(Không bao gồm chi phí đã trả theo tour; bao gồm toàn bộ các khoản chi thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua các ứng dụng)

- | | | |
|---|----------------------|------------|
| 1. Chi thuê phòng | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 2. Chi ăn uống | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 3. Chi phương tiện đi lại | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 4. Chi thăm quan | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 5. Chi mua hàng hóa, quà lưu niệm, kỷ niệm | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 6. Chi mua dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 7. Chi mua thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 8. Chi mua hàng hóa để kinh doanh (đầu tư, bán lại) | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 9. Chi khác (ghi rõ) _____ | <input type="text"/> | Nghìn đồng |

[CAPI TÍNH TỔNG SỐ TIỀN CÂU 8] VÀ HIỆN THỊ CÂU HỎI KIỂM TRA NHƯ SAU:

Tổng số tiền mà [TÊN] đã chi thêm không bao gồm khoản chi phí phải trả theo tour trong chuyến đi này của [TÊN] là [TỔNG SỐ TIỀN CAPI TÍNH TOÁN CÂU 8] nghìn đồng có đúng không?

1. Có
2. Không → Kiểm tra và sửa lại từng khoản mục Câu 8

Câu 9: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người? Người

Trong đó: Số trẻ em dưới 3 tuổi Người

PHẦN C: HỎI ĐỐI VỚI KHÁCH CÓ CHUYẾN ĐI GẦN ĐÂY NHẤT LÀ TỰ TỔ CHỨC (NEU CÂU 2=2)

Câu 10: Tổng số tiền mà [TÊN] đã chi cho chuyến đi này là bao nhiêu? **Nghìn đồng**

(Bao gồm toàn bộ các khoản chi thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua các ứng dụng)

1. Tổng số tiền chi thuê phòng của chuyến đi Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

2. Tổng số tiền chi ăn uống Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

3. Tổng số tiền chi phương tiện đi lại Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

4. Tổng số tiền chi thăm quan Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

5. Tổng số tiền chi mua hàng hóa, quà lưu niệm, kỷ niệm Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

6. Tổng số tiền chi mua dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

7. Tổng số tiền chi mua thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

8. Tổng số tiền mua hàng hóa để kinh doanh (đầu tư, bán lại) Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

9. Tổng số tiền chi khác (ghi rõ) _____ Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

Câu 11: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người? Người

Trong đó: Số trẻ em dưới 3 tuổi Người

PHẦN D: CHI PHÍ CHUẨN BỊ TRƯỚC CHUYẾN ĐI

Câu 12: Ngoài các chi phí nêu trên, [TÊN] có phải chi các khoản chi cho việc chuẩn bị chuyến đi (tại nơi cư trú) không? (Chi mua quần áo, đồ ăn, quà tặng...)

1. Có → Số tiền Nghìn đồng

2. Không → **Câu 14**

Câu 13: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người? Người

PHẦN E: THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Câu 14: [TÊN] vui lòng đánh giá về chất lượng một số dịch vụ cơ bản tại tỉnh/thành phố [LINK TỪNG TỈNH/THÀNH PHỐ TỪ THÔNG TIN CÂU 3_PHIẾU 01/DL-HO] với thang điểm từ 1 đến 5 (1 là rất không hài lòng tăng dần đến 5 là rất hài lòng) Trường hợp không sử dụng dịch vụ/trang thiết bị chọn mã 6. Không sử dụng.

Trang thiết bị/ Dịch vụ	Rất không hài lòng 1	Không hài lòng 2	Bình thường 3	Hài lòng 4	Rất hài lòng 5	Không sử dụng 6
1. Lưu trú	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
2. Ăn uống	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
3. Phương tiện vận chuyển	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
4. Dịch vụ mua sắm	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
5. Dịch vụ vui chơi giải trí	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
6. Khác (ghi rõ) _____	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆

Phiếu 03/DL-NN

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KHÁCH VIỆT NAM ĐI DU LỊCH NƯỚC NGOÀI

(Hỏi đối với người từ 15 tuổi trở lên đi du lịch nước ngoài từ 01/01/2023 đến thời điểm điều tra)

(Thông tin thu thập tại cuộc điều tra này được thực hiện theo Quyết định số 313/QĐ-TCTK ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê; được sử dụng và bảo mật theo quy định của Luật Thống kê)

PHẦN A: CÂU HỎI CHUNG: Thông tin chi tiết về chuyến đi nước ngoài đến [LINK TÊN NƯỚC ĐẾN CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] vào tháng [LINK THÁNG CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO]?

Câu 1: Phương tiện chính [TÊN] sử dụng cho chuyến đi?

(Phương tiện chính là phương tiện sử dụng trên quãng đường di chuyển dài nhất của cả chuyến đi)

1. MÁY BAY
2. Ô TÔ
3. TÀU HỎA
4. TÀU THỦY
5. PHƯƠNG TIỆN KHÁC

Câu 1.1: Mục đích chính chuyến đi này của [TÊN]?

1. THAM QUAN, NGHỈ DƯỠNG
2. ĐI CÔNG TÁC/HỘI NGHỊ, HỘI THẢO/THÔNG TIN, BÁO CHÍ
3. LỄ HỘI, TÍN NGƯỠNG
4. ĐI CHỮA BỆNH
5. ĐI HỌC/ĐÀO TẠO
6. THĂM THÂN

Câu 2: Chuyến đi của [TÊN] là đi theo tour hay tự tổ chức?

1. THEO TOUR
2. TỰ TỔ CHỨC

Câu 3: Ai là người quyết định cho chuyến đi của [TÊN]?

1. BẢN THÂN
2. NGƯỜI THÂN
3. BẠN BÈ
4. KHÁC

Câu 4: Nguồn thông tin nào mà [TÊN] biết đến điểm du lịch này?

1. BẠN BÈ, NGƯỜI THÂN
2. SÁCH BÁO, TẠP CHÍ
3. INTERNET
4. CÔNG TY DU LỊCH
5. TI VI
6. ĐƯỢC MỜI/CỬ ĐI
7. KHÁC (GHI RÕ) _____

Câu 5: Số ngày/đêm và loại cơ sở lưu trú mà [TÊN] đã ở lại?

Hiện thị từng nước đến từ thông tin câu 4_Phiếu 01/DL-HO

Nước: [LINK TÊN NƯỚC ĐẾN CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO]

5.1. Số đêm ở lại: Số ngày ở lại:

KT1. KIỂM TRA CÂU 5.1: NẾU CÂU 5.1_SỐ ĐÊM Ở LẠI=0 → KT2; KHÁC HỎI CÂU 5.2

5.2. Loại cơ sở lưu trú:

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| 1. KHÁCH SẠN 1 SAO | <input type="checkbox"/> | 7. NHÀ NGHỈ, NHÀ KHÁCH | <input type="checkbox"/> |
| 2. KHÁCH SẠN 2 SAO | <input type="checkbox"/> | 8. BIỆT THỰ KINH DOANH DU LỊCH | <input type="checkbox"/> |
| 3. KHÁCH SẠN 3 SAO | <input type="checkbox"/> | 9. LÀNG DU LỊCH | <input type="checkbox"/> |
| 4. KHÁCH SẠN 4 SAO | <input type="checkbox"/> | 10. CĂN HỘ KINH DOANH DU LỊCH | <input type="checkbox"/> |
| 5. KHÁCH SẠN 5 SAO TRỞ LÊN | <input type="checkbox"/> | 11. KHÁC (GHI RÕ) _____ | <input type="checkbox"/> |
| 6. KHÁCH SẠN CHƯA XẾP HẠNG SAO | <input type="checkbox"/> | | |

KIỂM TRA CÂU 2: NẾU CÂU 2=1: THEO TOUR → HỎI PHẦN B; NẾU CÂU 2=2: TỰ TỔ CHỨC → HỎI PHẦN C

PHẦN B: HỎI ĐỐI VỚI KHÁCH CÓ CHUYẾN ĐI GẦN ĐÂY NHẤT LÀ ĐI THEO TOUR (NẾU CÂU 2=1)

Câu 6: Tổng số tiền [TÊN] phải trả cho công ty lữ hành (số tiền mua tour tính cho 1 người) là bao nhiêu?

Số tiền Nghìn đồng

Câu 7: Ngoài chi phí đã trả theo tour, trong chuyến đi này [TÊN] có phải chi thêm các khoản chi khác không?

1. CÓ
2. KHÔNG → Câu 12

Câu 8: Số tiền mà [TÊN] đã chi thêm cho từng khoản mục sau là bao nhiêu?

(Không bao gồm chi phí đã trả theo tour; bao gồm toàn bộ các khoản chi thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua các ứng dụng)

- | | | |
|---|----------------------|------------|
| 1. Chi thuê phòng | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 2. Chi ăn uống | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 3. Chi phương tiện đi lại | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 4. Chi thăm quan | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 5. Chi mua hàng hóa, quà lưu niệm, kỷ niệm | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 6. Chi mua dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 7. Chi mua thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 8. Chi mua hàng hóa để kinh doanh (đầu tư, bán lại) | <input type="text"/> | Nghìn đồng |
| 9. Chi khác (ghi rõ) _____ | <input type="text"/> | Nghìn đồng |

[CAPI TÍNH TỔNG SỐ TIỀN CÂU 8] VÀ HIỂN THỊ CÂU HỎI KIỂM TRA NHƯ SAU:

Tổng số tiền mà [TÊN] đã chi thêm không bao gồm khoản chi phí phải trả theo tour trong chuyến đi này của [TÊN] là [TỔNG SỐ TIỀN CAPI TÍNH TOÁN CÂU 8] nghìn đồng có đúng không?

1. Có
2. Không → Kiểm tra và sửa lại từng khoản mục Câu 8

Câu 9: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người? Người

Trong đó: Số trẻ em dưới 3 tuổi Người

PHẦN C: HỎI ĐỐI VỚI KHÁCH CÓ CHUYẾN ĐI GẦN ĐÂY NHẤT LÀ TỰ TỔ CHỨC (NẾU CÂU 2=2)

Câu 10: Tổng số tiền mà [TÊN] đã chi cho chuyến đi này là bao nhiêu? **Nghìn đồng**

(Bao gồm toàn bộ các khoản chi thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua các ứng dụng)

1. Tổng số tiền chi thuê phòng của chuyến đi **Nghìn đồng**

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

2. Tổng số tiền chi ăn uống **Nghìn đồng**

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

..... **Nghìn đồng**

3. Tổng số tiền chi phương tiện đi lại **Nghìn đồng**

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

..... **Nghìn đồng**

4. Tổng số tiền chi thăm quan **Nghìn đồng**

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

..... **Nghìn đồng**

5. Tổng số tiền chi mua hàng hóa, quà lưu niệm, kỷ niệm **Nghìn đồng**

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

..... **Nghìn đồng**

6. Tổng số tiền chi mua dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí **Nghìn đồng**

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

..... **Nghìn đồng**

7. Tổng số tiền chi mua thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế **Nghìn đồng**

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] **Nghìn đồng**

..... **Nghìn đồng**

8. Tổng số tiền mua hàng hóa để kinh doanh (đầu tư, bán lại) Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

9. Tổng số tiền chi khác (ghi rõ) _____ Nghìn đồng

Trong đó:

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

Tại [LINK TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] Nghìn đồng

..... Nghìn đồng

Câu 11: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người? Người

Trong đó: Số trẻ em dưới 3 tuổi Người

PHẦN D: CHI PHÍ CHUẨN BỊ TRƯỚC CHUYẾN ĐI

Câu 12: Trước chuyến đi ra nước ngoài này, [TÊN] có chi tiêu cho việc chuẩn bị cho chuyến đi không?

(Tiền xin visa, thuê phòng nghỉ, tiền ăn uống, đi lại, mua đồ dùng chuẩn bị cho chuyến đi, mua quà, thăm quan giải trí, chi khác...)

1. Có → Số tiền Nghìn đồng

2. Không → **Câu 14**

Câu 13: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người? Người

PHẦN E: THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Câu 14: [TÊN] vui lòng đánh giá về chất lượng một số dịch vụ cơ bản tại nước đến [LINK THÔNG TIN TỪNG NƯỚC ĐẾN TỪ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] với thang điểm từ 1 đến 5 (1 là rất không hài lòng tăng dần đến 5 là rất hài lòng) Trường hợp không sử dụng dịch vụ/trang thiết bị chọn mã 6. Không sử dụng.

Trang thiết bị/ Dịch vụ	Rất không hài lòng 1	Không hài lòng 2	Bình thường 3	Hài lòng 4	Rất hài lòng 5	Không sử dụng 6
1. Lưu trú	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
2. Ăn uống	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
3. Phương tiện vận chuyển	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
4. Dịch vụ mua sắm	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
5. Dịch vụ vui chơi giải trí	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆
6. Khác (ghi rõ) _____	<input type="radio"/> ₁	<input type="radio"/> ₂	<input type="radio"/> ₃	<input type="radio"/> ₄	<input type="radio"/> ₅	<input type="radio"/> ₆

Phiếu 04/DL-QT

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
ĐỐI VỚI KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM TẠI CƠ SỞ LƯU TRÚ**

(Hỏi đối với khách quốc tế từ 15 tuổi trở lên đến Việt Nam đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú)

Lưu ý: Quý khách đã cung cấp thông tin tại 01 cơ sở lưu trú thì không cung cấp thông tin tại các cơ sở lưu trú khác

Lượt khách số:

Tỉnh/Thành phố: _____

(Thông tin do cơ quan Thống kê ghi)

Họ và tên người trả lời: _____

Địa điểm phỏng vấn _____

1	Mục đích chính đến Việt Nam lần này của Ông (bà)?	1 <input type="checkbox"/> DU LỊCH/NGHỈ DƯỠNG 2 <input type="checkbox"/> ĐI CÔNG TÁC 3 <input type="checkbox"/> THĂM THÂN 4 <input type="checkbox"/> ĐI CHỮA BỆNH 5 <input type="checkbox"/> ĐI HỌC/ĐÀO TẠO 6 <input type="checkbox"/> LÀM VIỆC 7 <input type="checkbox"/> ĐỊNH CƯ/CHUYỂN NƠI Ở → KẾT THÚC PHÒNG VẤN
2	Ông (bà) dự định ở lại Việt Nam trong thời gian bao lâu?	1 <input type="checkbox"/> DƯỚI 1 NĂM 2 <input type="checkbox"/> TỪ 1 NĂM TRỞ LÊN → KẾT THÚC PHÒNG VẤN
2A	Đến thời điểm này, Ông (bà) đã đi được 1/2 thời gian dự kiến cho cả chuyến đi chưa?	1 <input type="checkbox"/> ĐÃ ĐI ½ THỜI GIAN 2 <input type="checkbox"/> CHƯA ĐI ½ THỜI GIAN → KẾT THÚC PHÒNG VẤN
3	Ông (bà) bao nhiêu tuổi?	Tuổi <input style="width: 50px;" type="text"/> → Nếu dưới 15 tuổi kết thúc phỏng vấn
4	Giới tính?	1 <input type="checkbox"/> NAM 2 <input type="checkbox"/> NỮ
5	Vui lòng cho biết nghề nghiệp của Ông (bà)?	1 <input type="checkbox"/> THƯƠNG GIA 2 <input type="checkbox"/> NHÀ BÁO 3 <input type="checkbox"/> GIẢNG VIÊN/GIÁO VIÊN 4 <input type="checkbox"/> KIẾN TRÚC SƯ 5 <input type="checkbox"/> HƯU TRÍ 6 <input type="checkbox"/> HỌC SINH, SINH VIÊN 7 <input type="checkbox"/> QUAN CHỨC CHÍNH PHỦ 8 <input type="checkbox"/> NHÂN VIÊN TỔ CHỨC QUỐC TẾ 9 <input type="checkbox"/> KHÁC (GHI RÕ) _____

6	Quốc tịch của ông (bà) là?	Tên nước _____
7	Ông (bà) là Việt kiều?	1 <input type="checkbox"/> CÓ 2 <input type="checkbox"/> KHÔNG
8	Ông (bà) đã tham khảo từ đâu để quyết định chuyến đi đến Việt Nam lần này? <i>Chọn một hoặc nhiều lựa chọn</i>	1 <input type="checkbox"/> Bạn bè, người thân 2 <input type="checkbox"/> Sách, báo, tạp chí 3 <input type="checkbox"/> Internet 4 <input type="checkbox"/> Công ty du lịch 5 <input type="checkbox"/> Ti vi 6 <input type="checkbox"/> Được mời/cử đến 7 <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ) _____
9	Những tiêu chí nào được Ông (bà) xem xét và quyết định chọn điểm đến là Việt Nam? <i>Chọn một hoặc nhiều lựa chọn</i>	1 <input type="checkbox"/> Điểm du lịch hấp dẫn 2 <input type="checkbox"/> Phương tiện đi lại thuận tiện 3 <input type="checkbox"/> Chi phí thấp 4 <input type="checkbox"/> Thủ tục hải quan và nhập cảnh đơn giản 5 <input type="checkbox"/> An toàn 6 <input type="checkbox"/> Mua sắm hàng hóa thuận tiện 7 <input type="checkbox"/> Được mời/cử đến 8 <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ) _____
10	Ông (bà) đến Việt Nam bằng phương tiện gì?	1 <input type="checkbox"/> MÁY BAY 2 <input type="checkbox"/> Ô TÔ 3 <input type="checkbox"/> TÀU HOẢ 4 <input type="checkbox"/> TÀU THUỶ 5 <input type="checkbox"/> PHƯƠNG TIỆN KHÁC (GHI RÕ) _____
11	Đây là lần thứ mấy Ông (bà) đến Việt Nam?	1 <input type="checkbox"/> LẦN 1 2 <input type="checkbox"/> LẦN 2 3 <input type="checkbox"/> LẦN THỨ 3 TRỞ LÊN
12	Tổng số ngày/đêm Ông (bà) dự định ở lại Việt Nam? Tổng số ngày/đêm Ông (bà) dự định ở lại tỉnh/TP này?	Số ngày <input type="text"/> Số đêm <input type="text"/> Số ngày <input type="text"/> Số đêm <input type="text"/>
13	Có bao nhiêu cơ sở lưu trú Ông (bà) dự định nghỉ lại trong chuyến đi này?	<input type="text"/> Cơ sở
14	Ông (bà) đến Việt Nam có theo tour hay không?	1 <input type="checkbox"/> CÓ 2 <input type="checkbox"/> KHÔNG → CÂU 16
15	Tổng số tiền phải trả cho công ty du lịch lữ hành (số tiền mua tour)? (<i>chỉ tính cho 1 người</i>) <i>Ghi rõ loại tiền?</i>	<input type="text"/>

16	Ông (bà) vui lòng ước lượng tổng số tiền và các khoản mục Ông (bà) sẽ chi ở Việt Nam cho toàn bộ chuyến đi. Nếu đi theo tour chỉ ghi các khoản chi ngoài tour (không tính các khoản đã mua trong tour)		
		Loại tiền	Số tiền chi tiêu tại Việt Nam
	Tổng số tiền chi tiêu		
	Trong đó:		
	1. Tiền thuê phòng		
	2. Tiền ăn uống		
	3. Tiền đi lại tại Việt Nam		
	4. Chi phí thăm quan (tour trong nước, ...)		
	5. Chi mua hàng hoá, quà lưu niệm, kỷ niệm		
	6. Chi mua dịch vụ văn hoá, thể thao, giải trí		
	7. Chi mua thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế		
	8. Chi khác: (Ghi rõ) _____		
17	Số tiền này dùng cho bao nhiêu người? Trong đó: Bao nhiêu trẻ em dưới 3 tuổi?		<input type="text"/> Người <input type="text"/> Người
18	Ông (bà) có hài lòng với chuyến đi này không?	1 <input type="checkbox"/> CÓ 2 <input type="checkbox"/> KHÔNG → Câu 21	
19	Những đặc điểm nào ở Việt Nam khiến Ông (bà) có ấn tượng tốt? <i>Chọn một hoặc nhiều lựa chọn</i>	1 <input type="checkbox"/> Phong cảnh đẹp 2 <input type="checkbox"/> Thái độ của người Việt Nam 3 <input type="checkbox"/> Chất lượng phục vụ của các cơ sở lưu trú 4 <input type="checkbox"/> Chất lượng phục vụ tại các điểm thăm quan 5 <input type="checkbox"/> Chi phí thấp 6 <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ) _____	
20	Đến thời điểm phỏng vấn, Ông (bà) có ấn tượng tốt nhất với địa điểm nào của Việt Nam?	_____ _____ Tỉnh, TP (do cơ quan Thống kê ghi)	
21	Đặc điểm nào ở Việt Nam khiến Ông (bà) chưa hài lòng? <i>Chọn một hoặc nhiều lựa chọn</i>	1 <input type="checkbox"/> Không có 2 <input type="checkbox"/> Bị gian lận khi mua hàng hoá, dịch vụ (kể cả dịch vụ vận tải) 3 <input type="checkbox"/> Bị làm phiền bởi người bán hàng rong 4 <input type="checkbox"/> Thói quen xả rác bừa bãi của người Việt Nam 5 <input type="checkbox"/> Độ an toàn khi tham gia giao thông không cao	

		6 <input type="checkbox"/> Chi phí cao (vé máy bay, phí thăm quan, ăn uống, phòng khách sạn...) 7 <input type="checkbox"/> Nhân viên phục vụ (kém về ngoại ngữ/ thái độ phục vụ) 8 <input type="checkbox"/> Trình độ/thái độ của hướng dẫn viên chưa cao 9 <input type="checkbox"/> Các sản phẩm dịch vụ du lịch chưa phong phú 10 <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ) _____
22	Nếu có điều kiện, Ông (bà) có dự định trở lại Việt Nam trong thời gian tới không?	1 <input type="checkbox"/> CÓ → KẾT THÚC PHÒNG VẤN 2 <input type="checkbox"/> KHÔNG
23	Đặc điểm nào đã nêu trong Câu 21 có tác động lớn nhất khiến Ông (bà) không có ý định trở lại? <i>Chọn một đặc điểm tác động lớn nhất</i>	1 <input type="checkbox"/> BỊ GIAN LẬN KHI MUA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ (KỂ CẢ DỊCH VỤ VẬN TẢI) 2 <input type="checkbox"/> BỊ LÀM PHIỀN BỞI NGƯỜI BÁN HÀNG RONG 3 <input type="checkbox"/> THÓI QUEN XẢ RÁC BỪA BÃI CỦA NGƯỜI VIỆT NAM 4 <input type="checkbox"/> ĐỘ AN TOÀN KHI THAM GIA GIAO THÔNG KHÔNG CAO 5 <input type="checkbox"/> CHI PHÍ CAO (VÉ MÁY BAY, PHÍ THĂM QUAN, ĂN UỐNG, PHÒNG KHÁCH SẠN...) 6 <input type="checkbox"/> NHÂN VIÊN PHỤC VỤ (KÉM VỀ NGOẠI NGỮ/THÁI ĐỘ PHỤC VỤ) 7 <input type="checkbox"/> TRÌNH ĐỘ/THÁI ĐỘ CỦA HƯỚNG DẪN VIÊN CHƯA CAO 8 <input type="checkbox"/> CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ DU LỊCH CHƯA PHONG PHÚ 9 <input type="checkbox"/> KHÁC (GHI RÕ) _____

Tổng cục Thống kê Việt Nam trân trọng cảm ơn Quý khách đã cung cấp thông tin. Thông tin của Quý khách chỉ được sử dụng để tổng hợp cho mục đích thống kê và được bảo mật theo quy định của Luật Thống kê. Rất mong được đón tiếp Quý khách trong thời gian tới.

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC NƯỚC VÀ VÙNG, LÃNH THỔ
PHÂN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
	CHÂU Á	
	Đông Á	
1	Trung Quốc	CN
2	Đài Loan	TW
3	Hồng Kông	HK
4	Ma Cao	MO
5	CHDCND Triều Tiên	KP
6	Nhật Bản	JP
7	Mông Cổ	MN
8	Hàn Quốc	KR
	Trung Nam Á	
9	Ap-ga-ni-xtan	AF
10	Băng-la-đet	BD
11	Bu-tan	BT
12	Ấn Độ	IN
13	I-ran	IR
14	Ca-dắc-xtan	KZ
15	Kiêc-gi-ki-xtan	KG
16	Man-đi-vơ	MV
17	Nê-pan	NP
18	Pa-ki-xtan	PK
19	Xri-lan-ka	LK

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
20	Tat-ji-ki-xtan	TJ
21	Tuốc-mê-ni-xtan	TM
22	U-zơ-bê-ki-xtan	UZ
	Đông Nam Á	
23	Bru-nây	BN
24	Căm-pu-chia	KH
25	In-đô-nê-xi-a	ID
26	Lào	LA
27	Ma-lai-xi-a	MY
28	My-an-ma	MM
29	Phi-lip-pin	PH
30	Xinh-ga-po	SG
31	Thái Lan	TH
32	Đông Ti-mo	TP
33	Việt Nam	VN
	Tây Á	
34	Ac-mê-ni-a	AM
35	A-dec-bai-zan	AZ
36	Ba-ren	BH
37	Síp	CY
38	Gru-di-a	GE
39	I-rắc	IQ
40	I-xra-en	IL
41	Joóc-đa-ni	JO
42	Cô-oét	KW
43	Li-băng	LB
44	Palestine	

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
45	Ô-man	OM
46	Qua-ta	QA
47	Ả-rập Xê-út	SA
48	Xy-ri	SY
49	Thổ-nhĩ-kỳ	TR
50	Các tiểu VQ Ả-rập Thống Nhất	AE
51	Y-ê-men	YE
	CHÂU ÂU	
	Đông Âu	
52	Bê-la-rut	BY
53	Bun-ga-ri	BG
54	Séc	CZ
55	Hun-ga-ri	HU
56	Ba-lan	PL
57	Môn-đô-va	MD
58	Ru-ma-ni	RO
59	Liên bang Nga	RU
60	Slô-va-ki-a	SK
61	U-crai-na	UA
	Bắc Âu	
62	Chan-nen islands	
63	Đan-mạch	DK
64	Et-xtô-ni-a	EE
65	Đảo Fa-ê-rô	FO
66	Phần-lan	FI
67	Ai-xơ-len	IS
68	Ai-len	IE

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
69	Isle of man	
70	Lat-vi-a	LV
71	Lit-va	LT
72	Na-uy	NO
73	Đảo Svan-bat và Jan-may-en	SJ
74	Thụy-điển	SE
75	Anh	GB
	Nam Âu	
76	An-ba-ni	AL
77	An-đô-ra	AD
78	Bô-xni-a Hec-xê-gô-vi-na	BA
79	Crô-at-ti-a	HR
80	Gi-bran-ta	GI
81	Hy-lạp	GR
82	Tòa Thánh Va-ti-căng	VA
83	I-ta-li-a	IT
84	Man-ta	MT
85	Môn-tê-nê-grô	MNE
86	Bồ Đào Nha	PT
87	Xan-ma-ri-nô	SM
88	Sec-bi-a	SRB
89	Slô-ven-nhi-a	SI
90	Tây Ban Nha	ES
91	Ma-xê-đô-ni-a (CH Nam Tư cũ)	MK
	Tây Âu	
92	Áo	AT
93	Bỉ	BE

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
94	Pháp	FR
95	Đức	DE
96	Lech-ten-sten	LI
97	Luc-xăm-bua	LU
98	Mô-na-cô	MC
99	Hà Lan	NL
100	Thụy Sĩ	CH
CHÂU PHI		
	Đông Phi	
101	Bu-run-đi	BI
102	CHLB Cô-mo	KM
103	Gi-bu-ti	DJ
104	Ê-ri-trê-a	ER
105	Ê-ti-ô-pi	ET
106	Kê-ni-a	KE
107	Ma-đa-ga-xca	MG
108	Ma-la-uy	MW
109	Mô-ri-tuyt	MU
110	May-ot-te	
111	Mô-dăm-bic	MZ
112	Rê-uy-ni-ông	RE
113	Ru-an-đa	RW
114	Xây-sen	SC
115	Xô-ma-li	SO
116	U-gan-đa	UG
117	Tan-da-ni-a	TZ

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
118	Dăm-bi-a	ZM
119	Dim-ba-bu-ê	ZW
	Trung Phi	
120	Ăn-gô-la	AO
121	Ca-mơ-run	CM
122	Cộng hoà Trung Phi	CF
123	Sát	TD
124	Công-gô	CG
125	CHDC Công gô	ZR
126	Ghi-nê Xích đạo	GQ
127	Ga-bông	GA
128	Xao-tô-mê và Prin-xi-pê	ST
	Bắc Phi	
129	An-giê-ri	DZ
130	Ai-cập	EG
131	Li-bi	LY
132	Ma-rôc	MA
133	Xu-đăng	SD
134	Tuy-ni-di	TN
135	Tây Sa-ha-ra	EH
	Nam Phi	
136	Bôt-xoa-na	BW
137	Lê-xô-thô	LS
138	Na-mi-bi-a	NA
139	Nam-phi	ZA
140	Xoa-di-len	SZ

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
	Tây Phi	
141	Bê-nanh	BJ
142	Buóc-ki-na-fa-xô	BF
143	Cộng hoà Cáp-ve	CV
144	Côt-đi-voa (Bờ Biển Ngà)	CI
145	Găm-bi-a	GM
146	Ga-na	GH
147	Ghi-nê	GN
148	Ghi-nê Bit-xao	GW
149	Li-bê-ri-a	LR
150	Mali	ML
151	CH Hồi giáo Mô-ri-ta-ni	MR
152	Ni-giê	NE
153	Ni-giê-ri-a	NG
154	Xanh Hê-len	SH
155	Xê-nê-gan	SN
156	Xi-ê-ra Lê-ông	SL
157	Tô-gô	TG
	CHÂU MỸ	
	Mỹ latinh và vùng Caribê	
	<i>Liên hiệp QG vùng vịnh Caribê</i>	
158	An-ghi-la	AI
159	Ang-ti-go-a và Bắc-bu-đa	AG
160	A-ru-ba	AW
161	Ba-ha-ma	BS
162	Bac-ba-đot	BB
163	Đảo Vơ-gin (thuộc Anh)	VG

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
164	Đảo Cai-man	KY
165	Cu-ba	CU
166	Đô-mi-ni-ca-na	DM
167	CH Đô-mi-ni-ca-na	DO
168	Grê-na-đa	GD
169	Goa-đơ-lúp	GP
170	Hai-i-ti	HT
171	Ja-mai-ca	JM
172	Mac-ti-nich	MQ
173	Môn-xê-rat	MS
174	Ne-đơ-lân an-tin-lơ	AN
175	Pu-ec-tô-ri-cô	PR
176	Liên bang Xan-kit và Nê-vi	KN
177	Xan-ta-lu-xi-a	LC
178	Xan Vin-xăng và Grê-na-đin	VC
179	Tri-ni-đát và Tô-ba-gô	TT
180	Tóc-cơ và Cai-cốt	TC
181	Vơ-gin (thuộc Mỹ)	VI
	Trung Mỹ	
182	Be-li-zơ	BZ
183	Côt-xta-ri-ca	CR
184	En-xan-va-đo	SV
185	CH Goa-tê-ma-la	GT
186	Hon-đu-rat	HN
187	Mê-hi-cô	MX
188	Ni-ca-ra-goa	NI
189	Pa-na-ma	PA

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
	Nam Mỹ	
190	Ac-hen-ti-na	AR
191	Bô-li-vi-a	BO
192	Bra-xin	BR
193	Chi-lê	CL
194	Cô-lôm-bi-a	CO
195	Ê-cu-a-đo	EC
196	Đảo Phooc-lan	FK
197	Gui-an (Pháp)	GF
198	Guy-a-na	GY
199	Pa-ra-guay	PY
200	Pê-ru	PE
201	Xu-ri-nam	SR
202	U-ru-guay	UY
203	Vê-nê-xu-ê-la	VE
	Bắc Mỹ	
204	Béc-mu-đa	BM
205	Ca-na-đa	CA
206	Grin-len	GL
207	Sanh-pi-e-rơ và Mi-quê-lon	PM
208	Mỹ	US
	CHÂU ĐẠI DƯƠNG	
209	Xa-moa	AS
210	Ô-xtrây-li-a	AU
211	Đảo Cúc	CK
212	Phi-gi	FJ
213	Quần đảo Pô-li-nê-di (thuộc Pháp)	PF

STT	Nước/Lãnh thổ	Mã chữ
214	Gu-am	GU
215	Ki-ri-ba-ti	KI
216	Quần đảo Mat-san	MH
217	Liên bang Mi-cro-nê-si-a	FM
218	Na-u-ru	NR
219	Tân Ca-lê-đô-ni	NC
220	Niu-Di-lân	NZ
221	Niu-ê	NU
222	Đảo No-phóc	NF
223	Đảo Ma-ri-a-na Bắc	MP
224	Pa-lau	PW
225	Pa-pua Niu Ghi-nê	PG
226	Pít-canh	PN
227	Tây Xa-moa	WS
228	Đảo Xa-lô-môn	SB
229	Tô-kê-lau	TK
230	Tông-ga	TO
231	Tu-va-lu	TV
232	Va-nu-a-tu	VU
233	Các đảo Oa-lit và Phu-tu-na	WF
234	Vùng chưa phân rõ ở nơi nào	

Phần III

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU

I. KHÁI NIỆM

1. Khách du lịch: Là những người đi ra khỏi môi trường sống thường xuyên của mình để đến một nơi khác trong thời gian ít hơn 12 tháng liên tục với mục đích chính của chuyến đi là thăm quan, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí hay các mục đích khác ngoài việc tiến hành các hoạt động để đem lại thu nhập và kiếm sống ở nơi đến. Khái niệm khách du lịch được áp dụng cho cả khách du lịch quốc tế và khách du lịch trong nước đi du lịch dài ngày có nghỉ qua đêm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú (gọi tắt là cơ sở lưu trú).

Môi trường sống thường xuyên của một cá nhân là khoảng không gian trong đó diễn ra các hoạt động sinh hoạt, làm việc, học tập được lặp lại thường xuyên.

Một số trường hợp cụ thể được quy ước như sau:

- Đến khu du lịch trong môi trường sống thường xuyên với mục đích chính là thăm quan (có nghỉ lại qua đêm) cũng được xác định là có đi du lịch.

- Cuối tuần, rời khỏi nơi làm việc và sinh hoạt trong tuần để về với gia đình, không được xác định là đi du lịch.

Lưu ý: Liên tục được hiểu là thời gian liên tục của 01 chuyến đi.

2. Khách quốc tế đến Việt Nam: Trong phạm vi của cuộc điều tra này, khách quốc tế đến Việt Nam được xác định là người có quốc tịch nước ngoài/người Việt Nam định cư ở nước ngoài từ 15 tuổi trở lên đến Việt Nam trong thời gian dưới 01 năm (12 tháng) với các mục đích du lịch/nghỉ dưỡng; công tác; thăm thân; chữa bệnh; học tập/đào tạo; làm việc...

3. Khách du lịch quốc tế: Là những người thăm viếng một quốc gia ngoài quốc gia cư trú thường xuyên của mình trong thời gian ít nhất là 24 giờ.

Trường hợp người đến một quốc gia khác có lưu trú qua đêm mặc dù chưa đủ thời gian 24 giờ vẫn được thống kê là khách du lịch quốc tế.

4. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam: Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch (Nghị định 94/2022/NĐ-CP).

Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam không bao gồm các trường hợp sau:

- Người đến và sống như một người cư trú ở Việt Nam kể cả những người đi theo sống dựa vào họ;

- Người dân lao động cư trú ở vùng biên giới hàng ngày đi lại làm việc qua biên giới Việt Nam;

- Nhân viên đại sứ quán, lãnh sự quán, tùy viên quân sự đến làm nhiệm vụ tại Việt Nam và những người đi theo sống nhờ vào họ;

- Người quá cảnh (transit) Việt Nam, nghỉ tại cơ sở lưu trú chỉ với mục đích chờ chuyển chuyến bay để đến một nước khác.

5. Khách du lịch nội địa: Là công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú hoặc làm việc tại Việt Nam đi du lịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam (Nghị định 94/2022/NĐ-CP).

Khách du lịch nội địa nghỉ qua đêm là những khách du lịch nội địa ngủ lại ít nhất 01 đêm trong các cơ sở lưu trú du lịch tại nơi đến du lịch.

Khách du lịch nội địa trong ngày là những khách du lịch nội địa không nghỉ qua đêm tại bất kỳ một cơ sở lưu trú du lịch nào tại nơi đến du lịch.

Khách du lịch nội địa không bao gồm các trường hợp sau:

- Người định cư ở nơi này đến một nơi khác với mục đích thường trú ở đó;
- Người đi đến một nơi khác ở trong nước với mục đích để tiến hành các hoạt động để mang lại thu nhập và kiếm sống ở nơi đến;
- Người đến và làm việc tạm thời ở nơi đến;
- Người đi lại theo lịch thường xuyên giữa các vùng lân cận để làm việc, giảng dạy, học tập, nghiên cứu;
- Người du mục và những người không có nơi cư trú cố định;
- Người tham gia chuyên đi diễn tập của các lực lượng vũ trang.

Lưu ý: Phiếu điều tra thu thập thông tin về khách du lịch trong cuộc điều tra này chỉ áp dụng đối với những người từ 15 tuổi trở lên, những người dưới 15 tuổi (được coi là trẻ em đi kèm) không thuộc đối tượng của cuộc điều tra.

6. Chi tiêu của khách du lịch: Chi tiêu của khách du lịch là tổng số tiền khách du lịch đã và sẽ chi trong suốt hành trình của chuyến đi, kể cả những khoản chi mua sắm trước chuẩn bị cho chuyến đi và những chi phí mua sắm đồ dùng, quà tặng, quà lưu niệm trong chuyến đi mang về dùng sau chuyến đi. Loại trừ các khoản sau:

- Tiền mua hàng hoá cho mục đích kinh doanh, có nghĩa là mua về để bán lại cho khách du lịch khác hoặc mua về để sản xuất kinh doanh được kết hợp trong chuyến đi.

- Tiền đầu tư, giao dịch hợp đồng của người đi du lịch như đầu tư mua nhà đất, bất động sản và tài sản quý giá khác (như xe ca, xe tải, thuyền, nhà nghỉ thứ hai), kể cả việc mua những tài sản này để sử dụng cho các chuyến đi du lịch trong tương lai được chi trong lần đi du lịch này cũng không được tính vào chi tiêu du lịch.

- Tiền mặt biểu hộ hàng và bạn bè trong chuyến đi.

Trong phạm vi của cuộc điều tra này, chi tiêu của khách du lịch được xác định là chi tiêu của chuyến đi gần nhất mà ĐTĐT nắm được chi phí.

7. Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài: Là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ra nước ngoài du lịch trong thời gian ít hơn 12 tháng liên tục với mục đích của chuyến đi không phải để tiến hành các hoạt động nhằm đem lại thu nhập và kiếm sống ở nơi đến.

8. Khách du lịch theo tour và du lịch không theo tour

8.1. Khách du lịch theo tour: Là những người đi theo các chuyến du lịch được tổ chức và phục vụ trọn gói hay không trọn gói do các đơn vị kinh doanh du lịch lữ hành đứng ra tổ chức. Khách du lịch theo tour được các đơn vị du lịch lữ hành lo phương tiện đi lại, ăn ở, các chương trình vui chơi giải trí, thăm quan... từ lúc bắt đầu chuyến đi cho đến khi kết thúc chuyến đi.

8.2. Khách du lịch không theo tour: Là những người tự đứng ra tổ chức, sắp xếp cả chuyến đi cho mình và những người đi cùng về phương tiện đi lại, ăn ở, các chương trình vui chơi, giải trí...

II. HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU

Trước khi phỏng vấn, điều tra viên (gọi tắt là ĐTV) cần nêu khái quát ngắn gọn về mục đích của cuộc điều tra để có thể nhận được sự hợp tác tốt hơn từ khách được phỏng vấn.

Lưu ý: Thời gian phỏng vấn tốt nhất đối với khách du lịch quốc tế nên được tiến hành vào lúc khách chuẩn bị thanh toán để rời khỏi cơ sở lưu trú (trước lúc check out).

A. NỘI DUNG VÀ CÁCH ĐIỀN PHIẾU XÁC ĐỊNH THÀNH VIÊN HỘ ĐI DU LỊCH (Phiếu 01/DL-HO)

Phiếu này thu thập thông tin để xác định thành viên hộ đi du lịch trong nước, nước ngoài và thông tin về nơi đến, thời gian đi của từng chuyến đi (hỏi cho từng người từ 15 tuổi trở lên).

Câu 1: Kể từ ngày 01/01 đến nay, [TÊN] có di chuyển đến nơi khác dưới 1 năm liên tục theo một trong các lý do sau đây không?

Điều tra viên đọc lần lượt từng lý do để đối tượng điều tra (viết gọn là ĐTĐT) trả lời “Có”/ “Không” nhằm xác định được mục đích thành viên hộ đi du lịch.

- Liên tục được hiểu là thời gian liên tục của 01 chuyến đi.

- Lý do di chuyển được xác định là lý do của tất cả các chuyến đi của ĐTĐT từ ngày 01/01 năm điều tra đến thời điểm điều tra.

Câu 2: Chuyến đi của [TÊN] là chuyến đi trong nước hay nước ngoài?

Mục đích của câu hỏi này nhằm xác định thành viên hộ đi du lịch trong nước hay nước ngoài để phân loại theo phiếu điều tra.

Câu 3: [TÊN] vui lòng cung cấp thông tin về các chuyến đi trong nước của [TÊN] từ đầu năm đến nay?

Xác định thông tin về nơi đến (có thể chọn một hoặc nhiều tỉnh, thành phố theo thực tế) và thời gian đi (tháng) của chuyến đi thứ nhất trong nước.

Câu 3.1: Ngoài chuyến đi trên [TÊN] còn chuyến đi trong nước nào khác không?

Tích chọn “Có” hoặc “Không”. Nếu chọn “Có” tiếp tục bổ sung thông tin về chuyến đi thứ hai tương tự như **Câu 3**.

Câu 4: [TÊN] vui lòng cung cấp thông tin về các chuyến đi nước ngoài của [TÊN] từ đầu năm đến nay?

Xác định thông tin về nơi đến (có thể chọn một hoặc nhiều nước theo thực tế) và thời gian đi (tháng) của chuyến đi thứ nhất ra nước ngoài.

Câu 4.1: Ngoài chuyến đi trên [TÊN] còn chuyến đi nước ngoài nào khác không?

Tích chọn “Có” hoặc “Không”. Nếu chọn “Có” tiếp tục bổ sung thông tin về chuyến đi thứ hai tương tự như **Câu 4**.

Lưu ý: Trường hợp ĐTĐT có nhiều chuyến đi trong nước/ngoài nước trong cùng một tháng, ĐTV hỏi và thông tin lần lượt của từng chuyến đi từ chuyến đi đầu tiên đến chuyến đi cuối cùng của tháng trong các câu từ Câu 3 đến Câu 4.1.

Câu 5.1: Trong chuyến đi trong nước của [TÊN] nêu trên, chuyến đi nào [TÊN] nắm được chi phí của chuyến đi?

ĐTV đọc lần lượt danh sách các chuyến đi trong nước kèm theo thời gian đi được hiển thị trên CAPI để ĐTĐT trả lời.

Câu 5.2: Trong chuyến đi nước ngoài của [TÊN], chuyến đi nào [TÊN] nắm được chi phí của chuyến đi?

ĐTV đọc lần lượt danh sách các chuyến đi nước ngoài kèm theo thời gian đi được hiển thị trên CAPI để ĐTĐT trả lời.

Lưu ý:

- Nếu C5.1 có ít nhất 01 chuyến đi được chọn “Có” => Hỏi Phiếu 02/DL-NĐ.
- Nếu C5.2 có ít nhất 01 chuyến đi được chọn “Có” => Hỏi Phiếu 03/DL-NN.
- Nếu C5.1 và C5.2 đều có chuyến đi được tích chọn “Có” => Hỏi cả 2 Phiếu 02/DL-NĐ và Phiếu 03/DL-NN.

Trường hợp tại C5.1 và C5.2 có từ 02 chuyến đi trở lên được chọn “Có”, chương trình tự động hiển thị chuyến đi gần nhất tính đến thời điểm điều tra.

B. NỘI DUNG VÀ CÁCH ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KHÁCH DU LỊCH NỘI ĐỊA (Phiếu 02/DL-NĐ)

Phiếu điều tra này dùng để thu thập một số thông tin của khách đi du lịch nội địa như: Các khoản chi tiêu của khách, mức độ hài lòng về chất lượng một số dịch vụ cơ bản tại nơi đến tỉnh, thành phố, ... (hỏi đối với người từ 15 tuổi trở lên có đi du lịch trong nước từ 01/01/2023 đến thời điểm điều tra).

*** PHẦN CẤU HỎI CHUNG**

Câu 1: Phương tiện chính [TÊN] sử dụng cho chuyến đi?

Tích 01 lựa chọn mà khách sử dụng làm phương tiện chính cho chuyến đi. Trong đó phương tiện chính sử dụng trong chuyến đi là phương tiện được sử dụng trên tổng quãng đường dài nhất của cả chuyến đi.

Câu 1.1: Mục đích chính chuyến đi này của [TÊN]?

Tích chọn vào một trong các mục đích đã liệt kê. Trong đó, mục đích chính của chuyến đi là mục đích có tính chất quyết định chuyến đi có được thực hiện hay không.

Câu 2: Chuyến đi của [TÊN] là đi theo tour hay tự tổ chức?

Tích 01 lựa chọn để xác định khách đi du lịch theo tour hay tự tổ chức.

Trường hợp ĐTĐT đi công tác và chuyến đi do đơn vị tự tổ chức (không phải qua đơn vị lữ hành) vẫn lựa chọn Mã 2 - Tự tổ chức. Phần chi phí ghi toàn bộ chi phí của chuyến đi, không phân biệt chi phí đó do ĐTĐT tự chi trả hay đơn vị cử đi chi trả.

Câu 3: Ai là người quyết định cho chuyến đi của [TÊN]?

Tích 01 lựa chọn mà người có ảnh hưởng nhất đến quyết định về chuyến đi của khách.

Câu 4: Nguồn thông tin nào mà [TÊN] biết đến điểm du lịch này?

Tích chọn 01 hoặc nhiều lựa chọn về các nguồn thông tin mà khách đã tìm hiểu để biết đến điểm du lịch này. Nếu chọn mã 7 đề nghị ghi rõ nguồn thông tin khác.

Câu 5: Số ngày/đêm và loại cơ sở lưu trú mà [TÊN] đã ở lại?

Hiện thị từng tỉnh/thành phố từ thông tin **Câu 3** Phiếu 01/DL-HO.

5.1. Số đêm ở lại, số ngày ở lại: Điền thông tin về số đêm và số ngày mà khách ở lại từng tỉnh, thành phố trong chuyến đi.

5.2. Loại cơ sở lưu trú: Có thể tích chọn 01 hoặc nhiều cơ sở lưu trú khác nhau nếu câu 5.1 khách ở lại tỉnh, thành phố đó theo thực tế. Ghi rõ loại cơ sở lưu trú khi khách tích chọn mã 11.

Nếu tại điểm đến, ĐTĐT không ngủ tại các cơ sở lưu trú mà ngủ tại nhà của người thân, Câu 5.2 chọn Mã 11 và ghi rõ “Ngủ ở nhà người thân”

*** PHẦN CÂU HỎI ĐỐI VỚI KHÁCH CÓ CHUYẾN ĐI GẦN ĐÂY NHẤT LÀ ĐI THEO TOUR**

Câu 6: Tổng số tiền [TÊN] phải trả cho công ty lữ hành (số tiền mua tour tính cho 1 người) là bao nhiêu?

Ghi tổng số tiền của 01 người đi theo tour phải trả cho công ty du lịch lữ hành.

Câu 7: Ngoài chi phí đã trả theo tour, trong chuyến đi này [TÊN] có phải chi thêm các khoản chi khác không?

Đây là số tiền mà khách chi thêm và không nằm trong chi phí đã trả theo tour. Nếu tích chọn “Không” chuyển đến **Câu 12**.

Câu 8: Số tiền mà [TÊN] đã chi thêm cho từng khoản mục sau là bao nhiêu?

Số tiền này (không bao gồm chi phí đã trả theo tour), bao gồm toàn bộ các khoản chi thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua các ứng dụng. Trong đó, một số các khoản chi như: Chi thuê phòng, ăn uống, phương tiện đi lại, thăm quan, mua hàng hóa, quà lưu niệm, vui chơi giải trí, ... Nếu chọn mã 9 đề nghị ghi rõ các khoản chi thêm khác là gì.

- Chi thăm quan: Bao gồm khoản chi mua phí, lệ phí theo quy định của các khu du lịch như vé vào cửa thăm quan các địa điểm du lịch.

- Chi mua dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí: Là các khoản chi mua dịch vụ được cung cấp tại nơi đến của các chuyến đi (có thể trong hoặc ngoài các khu du lịch như: trò chơi, buổi ca nhạc, hòa nhạc...):

Trường hợp giá vé vào cửa các khu du lịch đã bao gồm cả các chi phí cho các dịch vụ vui chơi giải trí trong các khu du lịch thì chi phí được ghi vào Mã 4 - Chi thăm quan (Ví dụ như vé thăm quan: Vinpearl Land, Bà Nà Hill, v.v...).

[CAPI TÍNH TỔNG SỐ TIỀN CÂU 8] VÀ HIỆN THỊ CÂU HỎI KIỂM TRA NHƯ SAU:

Tổng số tiền mà [TÊN] đã chi thêm không bao gồm khoản chi phí phải trả theo tour trong chuyến đi này của [TÊN] là [TỔNG SỐ TIỀN CAPI TÍNH TOÁN CÂU 8] nghìn đồng có đúng không?

Nếu khách tích chọn mã 2 “Không” thì cần kiểm tra và sửa lại từng khoản chi trong **Câu 8**.

Câu 9: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người?

Ghi tổng số người (bao gồm cả trẻ em dưới 3 tuổi) tương ứng với số tiền trên.

Trong đó: Số trẻ em dưới 3 tuổi.

Ghi tổng số trẻ em dưới 3 tuổi.

*** PHẦN CÂU HỎI ĐỐI VỚI KHÁCH CÓ CHUYẾN ĐI GẦN ĐÂY NHẤT LÀ TỰ TỔ CHỨC**

Câu 10: Tổng số tiền mà [TÊN] đã chi cho chuyến đi này là bao nhiêu?

Ghi tổng số tiền đã chi cho cả chuyến đi và chi tiết theo từng khoản chi.

Số tiền này bao gồm toàn bộ các khoản chi thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua các ứng dụng như: Chi thuê phòng, ăn uống, phương tiện đi lại, mua quà lưu niệm, vui chơi giải trí, ... Trong đó, các khoản chi này được liệt kê chi tiết theo từng nơi đến tỉnh, thành phố. Nếu điền thông tin mã 9 đề nghị ghi rõ các khoản chi khác là gì.

Câu 11: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người?

Ghi tổng số người (bao gồm cả trẻ em dưới 3 tuổi) tương ứng với số tiền trên.

Trong đó: Số trẻ em dưới 3 tuổi.

Ghi tổng số trẻ em dưới 3 tuổi.

*** PHẦN CÂU HỎI VỀ CHI PHÍ CHUẨN BỊ TRƯỚC CHUYẾN ĐI**

Câu 12: Ngoài các chi phí nêu trên, [TÊN] có phải chi các khoản chi cho việc chuẩn bị chuyến đi (tại nơi cư trú) không?

Nếu chọn “Có” ghi tổng số tiền mà khách chuẩn bị cho trước chuyến đi như: Chi mua sắm quần áo, đồ ăn, quà tặng,...

Nếu chọn “Không” chuyển đến **Câu 14**.

Câu 13: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người?

*** PHẦN CÂU HỎI VỀ THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

Câu 14: [TÊN] vui lòng đánh giá về chất lượng một số dịch vụ cơ bản tại tỉnh, thành phố [LINK THÔNG TIN TỪNG TỈNH/THÀNH PHỐ TỪ THÔNG TIN CÂU 3.1_PHIẾU XÁC ĐỊNH THÀNH VIÊN HỘ] với thang điểm từ 1 đến 5: (1 là rất không hài lòng tăng dần đến 5 là rất hài lòng) hoặc chọn Mã 6 nếu không sử dụng dịch vụ đó tại nơi đến.

Đánh giá này được hỏi cụ thể cho từng tỉnh/thành phố trong chuyến đi gần nhất đã được tự động lựa chọn để thu thập thông tin tại phiếu này, phần mềm CAPI sẽ tự động hiển thị từng tỉnh/thành phố đã được liệt kê tại Câu 3 Phiếu 01/DL-HO để ĐTĐT đánh giá.

Trường hợp có đánh giá về Trang thiết bị/dịch vụ khác (Mã 6), ghi rõ loại thiết bị/dịch vụ.

C. NỘI DUNG VÀ CÁCH ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KHÁCH VIỆT NAM ĐI DU LỊCH NƯỚC NGOÀI (Phiếu 03/DL-NN)

Phiếu điều tra này dùng để thu thập một số thông tin của khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài như: Các khoản chi tiêu của khách, mức độ hài lòng về chất lượng một số dịch vụ cơ bản tại nước đến, ... (hỏi đối với người từ 15 tuổi trở lên đi du lịch nước ngoài từ 01/01/2023 đến thời điểm điều tra).

** PHÂN CÂU HỎI CHUNG*

Câu 1: Phương tiện chính [TÊN] sử dụng cho chuyến đi?

Tích 01 lựa chọn mà khách sử dụng làm phương tiện chính cho chuyến đi. Trong đó phương tiện chính sử dụng trong chuyến đi là phương tiện được sử dụng trên tổng quãng đường dài nhất của cả chuyến đi.

Câu 1.1: Mục đích chính chuyến đi này của [TÊN]?

Tích chọn vào một trong các mục đích đã liệt kê. Trong đó, mục đích chính của chuyến đi là mục đích có tính chất quyết định chuyến đi có được thực hiện hay không.

Câu 2: Chuyến đi của [TÊN] là đi theo tour hay tự tổ chức?

Tích 01 lựa chọn để xác định khách đi du lịch theo tour hay tự tổ chức.

Trường hợp ĐTĐT đi công tác và chuyến đi do đơn vị tự tổ chức (không phải qua đơn vị lữ hành) vẫn lựa chọn Mã 2 - Tự tổ chức. Phần chi phí ghi toàn bộ chi phí của chuyến đi, không phân biệt chi phí đó do ĐTĐT tự chi trả hay đơn vị cử đi chi trả.

Câu 3: Ai là người quyết định cho chuyến đi của [TÊN]?

Tích 01 lựa chọn mà người có ảnh hưởng nhất đến quyết định về chuyến đi của khách.

Câu 4: Nguồn thông tin nào mà [TÊN] biết đến điểm du lịch này?

Tích chọn 01 hoặc nhiều lựa chọn về các nguồn thông tin mà khách đã tìm hiểu để biết đến điểm du lịch này. Nếu chọn mã 7 đề nghị ghi rõ nguồn thông tin khác.

Câu 5: Số ngày/đêm và loại cơ sở lưu trú mà [TÊN] đã ở lại?

Hiện thị từng nước đến từ thông tin **Câu 4**_Phiếu 01/DL-HO.

5.1. Số đêm ở lại, số ngày ở lại: Điền thông tin về số đêm và số ngày mà khách ở lại nước đến trong chuyến đi.

5.2. Loại cơ sở lưu trú: Có thể tích chọn 01 hoặc nhiều cơ sở lưu trú khác nhau nếu câu 5.1 khách ở lại nước đó theo thực tế. Ghi rõ loại cơ sở lưu trú khi khách tích chọn mã 11.

** PHÂN CÂU HỎI ĐỐI VỚI KHÁCH CÓ CHUYẾN ĐI GẦN ĐÂY NHẤT LÀ ĐI THEO TOUR*

Câu 6: Tổng số tiền [TÊN] phải trả cho công ty lữ hành (số tiền mua tour tính cho 1 người) là bao nhiêu?

Ghi tổng số tiền của 01 người đi theo tour phải trả cho công ty du lịch lữ hành.

Câu 7: Ngoài chi phí đã trả theo tour, trong chuyến đi này [TÊN] có phải chi thêm các khoản chi khác không?

Đây là số tiền mà khách chi thêm và không nằm trong chi phí đã trả theo tour.

Nếu chọn “Không” chuyển đến **Câu 12**.

Câu 8: Số tiền mà [TÊN] đã chi thêm cho từng khoản mục sau là bao nhiêu?

Số tiền này (không bao gồm chi phí đã trả theo tour), bao gồm các khoản chi thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua các ứng dụng. Trong đó, một số các khoản chi như: Chi thuê phòng, ăn uống, phương tiện đi lại, mua quà lưu niệm, vui chơi giải trí,... Nếu chọn mã 9 đề nghị ghi rõ các khoản chi thêm khác là gì.

- Chi thăm quan: Bao gồm khoản chi mua phí, lệ phí theo quy định của các khu du lịch như vé vào cửa thăm quan các địa điểm du lịch.

- Chi mua dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí: Là các khoản chi mua dịch vụ được cung cấp tại nơi đến của các chuyến đi (có thể trong hoặc ngoài các khu du lịch như: trò chơi, buổi ca nhạc, hòa nhạc...):

Trường hợp giá vé vào cửa các khu du lịch đã bao gồm cả các chi phí cho các dịch vụ vui chơi giải trí trong các khu du lịch thì chi phí được ghi vào Mã 4 - Chi thăm quan.

[CAPI TÍNH TỔNG SỐ TIỀN CÂU 8] VÀ HIỂN THỊ CÂU HỎI KIỂM TRA NHƯ SAU:

Tổng số tiền mà [TÊN] đã chi thêm không bao gồm khoản chi phí phải trả theo tour trong chuyến đi này của [TÊN] là [TỔNG SỐ TIỀN CAPI TÍNH TOÁN CÂU 8] nghìn đồng có đúng không?

Nếu khách tích chọn mã 2 “Không” thì cần kiểm tra và sửa lại từng khoản chi trong **câu 8**.

Câu 9: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người?

Ghi tổng số người (bao gồm cả trẻ em dưới 3 tuổi) tương ứng với số tiền trên.

Trong đó: Số trẻ em dưới 3 tuổi.

Ghi tổng số trẻ em dưới 3 tuổi.

*** PHÂN CÂU HỎI ĐỐI VỚI KHÁCH CÓ CHUYẾN ĐI GẦN ĐÂY NHẤT LÀ TỰ TỔ CHỨC**

Câu 10: Tổng số tiền mà [TÊN] đã chi cho chuyến đi này là bao nhiêu?

Ghi tổng số tiền đã chi cho cả chuyến đi và chi tiết theo từng khoản chi.

Số tiền này bao gồm toàn bộ các khoản chi thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán qua các ứng dụng như: Chi về thuê phòng, ăn uống, đi lại, mua quà lưu niệm, vui chơi giải trí,... Trong đó, các khoản chi này được liệt kê chi tiết theo từng nước đến. Nếu điền thông tin mã 9 đề nghị ghi rõ các khoản chi khác là gì.

Câu 11: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người?

Ghi tổng số người (bao gồm cả trẻ em dưới 3 tuổi) tương ứng với số tiền trên.

Trong đó: Số trẻ em dưới 3 tuổi.

Ghi tổng số trẻ em dưới 3 tuổi.

Câu 12: Trước chuyến đi ra nước ngoài này, [TÊN] có chi tiêu cho việc chuẩn bị cho chuyến đi không?

Nếu chọn “Có” ghi tổng số tiền mà khách chuẩn bị cho trước chuyến đi như: Tiền xin visa, thuê phòng nghỉ, tiền ăn uống, đi lại, mua đồ dùng chuẩn bị cho chuyến đi, mua quà tặng, thăm quan giải trí, chi khác, ...

Nếu chọn “Không” chuyển đến **Câu 14**.

Câu 13: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người?

Câu 14: [TÊN] vui lòng đánh giá về chất lượng một số dịch vụ cơ bản tại nước đến [LINK THÔNG TIN TỪNG NƯỚC ĐẾN TỪ CÂU 4_PHIẾU 01/DL-HO] với thang điểm từ 1 đến 5: (1 là rất không hài lòng tăng dần đến 5 là rất hài lòng) hoặc chọn Mã 6 nếu không sử dụng dịch vụ đó tại nơi đến.

Đánh giá này được hỏi cụ thể cho từng quốc gia trong chuyến đi gần nhất đã được tự động lựa chọn để thu thập thông tin tại phiếu này, phần mềm CAPI sẽ tự động hiển thị từng quốc gia đã được liệt kê tại Câu 4 phiếu Phiếu 01/DL-HO để ĐTĐT đánh giá.

Trường hợp có đánh giá về Trang thiết bị/dịch vụ khác (Mã 6), ghi rõ loại thiết bị/dịch vụ.

D. NỘI DUNG VÀ CÁCH ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM TẠI CƠ SỞ LƯU TRÚ (Phiếu 04/DL-QT)

Phiếu điều tra này dùng để thu thập một số thông tin của khách quốc tế đến Việt Nam như: Mục đích chính đến Việt Nam, độ tuổi, giới tính, các khoản chi tiêu của khách, mức độ hài lòng của khách, ... (hỏi đối với khách quốc tế từ 15 tuổi trở lên đến Việt Nam đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú).

Lượt khách số: Dành cho giám sát viên các Cục Thống kê ghi sau khi thu phiếu về, ghi đủ 4 chữ số, bắt đầu từ 0001 cho đến hết, không phân biệt các loại phiếu theo các thứ tiếng.

Tỉnh, thành phố: Cơ quan Thống kê ghi.

Họ và tên người trả lời: Khách điền thông tin về họ và tên người trả lời phiếu.

Địa điểm phỏng vấn: ĐTV ghi rõ địa chỉ của cơ sở lưu trú được chọn để phỏng vấn khách.

Các câu hỏi sàng lọc (từ **Câu 1** đến **Câu 3**): Mục đích của các câu hỏi này nhằm xác định đúng khách du lịch cần điều tra để tiếp tục ghi phiếu, loại trừ khách du lịch không thuộc đối tượng điều tra để dùng phỏng vấn, cụ thể như sau:

Câu 1: Mục đích chính đến Việt Nam lần này của Ông (bà)?

Mục đích chính của chuyến đi đối với mỗi khách quốc tế khi đến Việt Nam có thể bao gồm một trong các mục đích dưới đây:

- Du lịch/nghỉ dưỡng: Bao gồm những người đến Việt Nam với các mục đích cụ thể là thăm quan, giải trí, nghỉ dưỡng, tìm hiểu văn hóa...

- Đi công tác: Bao gồm những người đến Việt Nam để tham dự các hội nghị, hội thảo, hội chợ, làm việc ngắn ngày hoặc tăng cường quan hệ ngoại giao, trao đổi văn hóa,... với mục đích chính là phục vụ cho công việc hiện thời của họ.

- Thăm thân: Mục đích chính của chuyến du lịch theo loại hình này nhằm thăm viếng gia đình, bà con, bạn bè, người thân.

- Đi chữa bệnh: Bao gồm những người đến Việt Nam với mục đích chủ yếu để chữa bệnh. Ví dụ như: người dân Campuchia đến chữa bệnh tại các bệnh viện tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc tại các cơ sở y tế khác.

- Đi học/đào tạo: Bao gồm những người đến Việt Nam với mục đích chính là tham gia học tập hoặc tham gia các khóa đào tạo.

- Làm việc: Bao gồm người đến Việt Nam với mục đích chính là làm việc, cụ thể như: các chuyên gia nước ngoài, người của đại sứ quán nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp hoặc cá nhân đến Việt Nam để tìm việc, bắt đầu một công việc mới hoặc chuyển địa điểm làm việc...

- Định cư/chuyển nơi ở: Bao gồm những người chuyển đến Việt Nam với mục đích chính là định cư hoặc ở lại lâu dài.

Câu 2: Ông (bà) dự định ở lại Việt Nam trong thời gian bao lâu?

Khách du lịch có ý định ở lại Việt Nam từ một năm trở lên: Kết thúc phỏng vấn.

Câu 2A: Đến thời điểm này, Ông (bà) đã đi được 1/2 thời gian dự kiến cho cả chuyến đi chưa?

Nếu (tích chọn mã 2) khách du lịch ở tại Việt Nam chưa đủ một nửa thời gian dự kiến cho chuyến đi này: Kết thúc phỏng vấn.

Câu 3: Ông (bà) bao nhiêu tuổi?

Khách chưa đủ 15 tuổi: Kết thúc phỏng vấn.

Câu 4: Giới tính?

Tích chọn vào ô thích hợp.

Câu 5: Vui lòng cho biết nghề nghiệp của Ông (bà)?

Tích chọn (01 lựa chọn) vào nghề nghiệp hiện tại của khách. Nếu chọn (mã 9) nghề nghiệp khác đề nghị ghi rõ.

Câu 6: Quốc tịch của ông (bà) là?

Ghi rõ quốc tịch của khách du lịch để bảo đảm khi nhập tin chọn đúng mã nước và tên nước. Trường hợp khách có 2 quốc tịch thì có ghi quốc tịch thường sử dụng hoặc quốc tịch sử dụng khi nhập cảnh vào Việt Nam.

Câu 7: Ông (bà) là Việt kiều?

Đề nghị tích chọn vào ô thích hợp.

Câu 8: Ông (bà) đã tham khảo từ đâu để quyết định chuyển đi đến Việt Nam lần này?

Nguồn tham khảo để quyết định chuyển đi du lịch đến Việt Nam lần này, có thể tích chọn vào một hoặc nhiều lựa chọn thích hợp.

Câu 9: Những tiêu chí nào được Ông (bà) xem xét và quyết định chọn điểm đến là Việt Nam?

Khách có thể lựa chọn nhiều hơn một tiêu chí thích hợp được xem là có ảnh hưởng đến quyết định chọn Việt Nam là điểm đến.

Câu 10: Ông (bà) đến Việt Nam bằng phương tiện gì?

Khách đến Việt Nam bằng phương tiện gì thì tích vào ô tương ứng.

Câu 11: Đây là lần thứ mấy Ông (bà) đến Việt Nam?

Tích chọn số lần đến Việt Nam của khách vào ô thích hợp.

Câu 12: Tổng số ngày/đêm Ông (bà) dự định ở lại Việt Nam?

Ghi số ngày và số đêm mà khách dự định ở lại Việt Nam và tổng số ngày/đêm dự định ở lại tỉnh/thành phố nơi khách hiện đang nghỉ lại;

Khi số ngày/đêm dự định của khách ở lại Việt Nam mà lớn hơn hoặc bằng 365 ngày (từ 1 năm trở lên), kiểm tra lại **Câu 2** và nếu đúng thì dừng phỏng vấn.

Câu 13: Có bao nhiêu cơ sở lưu trú Ông (bà) dự định nghỉ lại trong chuyến đi này?

Ghi tổng số cơ sở lưu trú mà khách dự định nghỉ lại trong chuyến đi này (gồm cả các cơ sở lưu trú đã nghỉ lại từ đầu chuyến đi và số cơ sở lưu trú dự định sẽ nghỉ lại cho thời gian còn lại của chuyến đi).

Câu 14: Ông (bà) đến Việt Nam có theo tour hay không?

Dựa vào khái niệm đi du lịch theo tour và không đi du lịch theo tour (tức là đến Việt Nam thông qua hoặc không thông qua một công ty du lịch lữ hành nào đó), tích chọn vào 1 trong 2 ô tương ứng, nếu trả lời “Không”, chuyển sang phỏng vấn tiếp từ **Câu 16**.

Câu 15: Tổng số tiền phải trả cho công ty du lịch lữ hành (số tiền mua tour)?

Nếu khách đến Việt Nam thông qua một công ty du lịch lữ hành thì điền số tiền mà khách phải trả cho công ty du lịch lữ hành đó (số tiền này chỉ tính cho một người) và ghi rõ loại tiền.

Câu 16: Ông (bà) vui lòng ước lượng tổng số tiền và các khoản mục Ông (bà) sẽ chi ở Việt Nam cho toàn bộ chuyến đi. Nếu đi theo tour chỉ ghi các khoản chi ngoài tour (không tính các khoản đã mua trong tour)?

Là ước lượng tổng số tiền và các khoản mục chi mà khách đã và sẽ chi trong suốt thời gian ở Việt Nam. Nếu đi theo tour từ nước ngoài đến Việt Nam thì chỉ ghi các khoản chi ngoài tour.

Nếu khách đến Việt Nam có mua tour trong nước Việt Nam thì khoản chi này được ghi vào mục Chi phí thăm quan.

Đề nghị khách ghi rõ số tiền theo từng khoản chi và theo loại tiền chi.

Lưu ý: Nếu có các khoản chi khác đề nghị khách ghi rõ khoản chi khác là gì, ví dụ: Chi cho người dẫn đường, chi phiên dịch đi cùng, phí hành lý (do vượt quy định về số kg hành lý/1 người), phí thuê người mang vác hành lý, phí đổi tiền (đổi ngoại tệ khi đi du lịch), phí chuyển tiền hay thanh toán quốc tế (nếu đó là giao dịch xuyên quốc gia khách sẽ phải chịu phí thanh toán quốc tế), ...

Câu 17: Số tiền này dùng cho bao nhiêu người?

Ghi tổng số người (bao gồm cả trẻ em dưới 3 tuổi) tương ứng với số tiền trên.

Trong đó: Bao nhiêu trẻ em dưới 3 tuổi.

Ghi tổng số trẻ em dưới 3 tuổi.

Câu 18: Ông (bà) có hài lòng với chuyến đi này không?

Hỏi về sự hài lòng của khách trong chuyến đi này, nếu khách chọn “Không”, chuyển qua hỏi tiếp **Câu 21**.

Câu 19: Những đặc điểm nào ở Việt Nam khiến Ông (bà) có ấn tượng tốt?

Hỏi những cảm nhận, đánh giá của khách khi đến du lịch Việt Nam, khách có thể tích chọn một hoặc nhiều lựa chọn thích hợp.

Câu 20: Đến thời điểm phỏng vấn, Ông (bà) có ấn tượng tốt nhất với địa điểm nào của Việt Nam?

Ghi tên địa điểm thăm quan, du lịch thuộc tỉnh, thành phố mà khách có ấn tượng tốt nhất khi đến Việt Nam.

Câu 21: Đặc điểm nào ở Việt Nam khiến Ông (bà) chưa hài lòng?

Nếu khách chọn mã 1 (không có đặc điểm nào chưa hài lòng) chỉ chọn được một lựa chọn, nếu khách chưa hài lòng (không chọn mã 1) thì có thể tích chọn nhiều lựa chọn.

Câu 22: Nếu có điều kiện, Ông (bà) có dự định trở lại Việt Nam trong thời gian tới không?

Hỏi về khả năng quay trở lại Việt Nam trong tương lai của khách. Nếu khách chọn mã 1 “Có” thì kết thúc phỏng vấn.

Câu 23: Đặc điểm nào đã nêu trong câu 21 có tác động lớn nhất khiến Ông (bà) không có ý định trở lại?

Hỏi về lý do tác động lớn nhất khiến cho khách không có ý định quay trở lại Việt Nam, khách chỉ tích vào một lý do.

ISBN: 978-604-75-1628-5



9 786047 516285

SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG